Năm thứ hai — Số 60
Tuần-lễ từ thứ tư 19 Août
đến thứ ba 25 Août 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

Trong số này :

Sĩ-phu với tư-đức — *Hoa-Bằng*
Phê-bình quyển «Văn-học đời Lý» — *Ứng-Hòe Nguyễn văn-Tố*
Một chút lịch-sử của bậc sơ-đẳng tiểu-học Pháp — *Nhân-Nghĩa*
Tra nghĩa chữ nho (XIV) — *Nguyễn văn-Tố*
Một giờ với nhà văn Sơng-An Hoàng ngọc-Phách (II) — *Lê-Thanh*
Từ Hà-nội đến hồ Ba-bể (Du-ký, III) — *Nhật-Nham*
Những ông nghè triều Lê (XXXIII) — *Ứng-Hòe*
Tài-liệu để đính chính những bài văn cổ (XXXVII) — *Nguyễn văn-Tố*
Cách xếp-đặt chữ nho trong tự-điển (II) — *Đào trọng-Đủ*
Vui thú điền-viên (dịch thơ tây) — *Cách-Chi*
Bản sách-dẫn về «Đại-Nam liệt truyện» (IV) — *Thọ-xuân Lê văn-Phúc*
Trúc mai sum-họp (IX) — *Chu-Thiên*

0$20

SĨ-PHU VỚI TƯ-ĐỨC

HOA-BẰNG

TƯ-ĐỨC đây, nói nôm ra, tức là «đời tư» Đời tư là đối với đời công (công đứ) mà nói.

Làm việc xã-hội, viết báo, làm sách chẳng hạn : đó là những việc thuộc đời công.

Việc riêng cá-thể một người, cách ăn nết ở với gia-đình, với bạn hữu : đó là thuộc trong phạm vi đời tư.

Những bậc chân nho xưa rất trọng tư đức. Lấy bản-thân làm đan-vị, họ noi theo từng nước bước trên đường tu, tề, trị, bình.

Họ cho rằng bản thân là trung-tâm điểm của mọi sự. Thân có tu thì gia mới tề, rồi sau mới có thể nói đến quốc trị, thiên-hạ bình được.

Vì họ chú trọng vào việc tu thân, nên cuộc đời họ, họ đặt cái «đích lý-tưởng» để làm phương-hướng đi tới.

Lễ, nghĩa, liêm, sỉ, trung, tín ? Những đức ấy họ cho là mấy thứ bảo-vật tối thiêng liêng ở đời, lúc nào họ cũng hương hoa cầu nguyện: đón rước lấy, ôm-ấp lấy.

Việc gì phi lễ, họ không làm, nên cố tránh những sự sắc-dục bất-chính, không để nỗi sa vào những vũng bùn « dâm ô ».

Đối với của bất nghĩa, họ không màng, nên cái bả « phú quí-phù vân » không thể cám-dỗ nổi họ. Thấy việc nghĩa, họ mạnh-bạo làm, dám hăng-hái xông vào ngọn lửa «quốc nạn».

Liêm là một đức tốt đứng đầu sĩ qui. Một khi xuất chính, họ chỉ mong sao giúp ích được nước, làm ơn huệ cho nhuần thấm đến nhân-dân, thế là họ được thỏa lòng, chứ không mong cố xây lấy cái lâu đài phú qui bằng dầu-mỡ của kẻ khác. Vì vậy, họ rất sợ cái tiếng tham ô. Suốt đời họ chỉ muốn qui gối trước vị thần Liêm-khiết. Chữ «liêm» đã được họ tôn thờ như vậy, nên một hành-vi, một động tác, họ không dám làm thiệt hại ai cho thân mình được vinh, nhà mình được béo.

Sỉ tức là tấm lòng tu-ố của con người ta. Một khi lòng ấy lù-mờ, trơ-tráo không biết hổ-thẹn dầu đã nhúng vào những việc làm ám muội, gian-tà, thế là hạng ấy đã mất hết cái tính-cách làm người rồi đấy. Những bậc chân nho xưa không ăn của lót, không mắc vào những tiếng săn nguyệt cầu hoa, chính vì họ biết trọng chữ « sỉ ».

Họ cố giữ trung tín trong mọi việc và đối với mọi người, nên một lời đã hứa, có khi đến chết cũng không thay lòng đổi dạ. Trong lắm trường-hợp, họ thà ôm bầu cô-trung còn hơn mang tiếng là thất tín.

Những gương sáng ấy hãy còn trên trang lịch sử Đại-Nam :

Tô Hiến Thành không tham vàng của Chiêu-Linh thái-hậu (vợ vua Lý Anh-Tông), cương-quyết trong việc giữ cố-mệnh của tiên-đế, giúp ấu chúa Lý-Cao ngồi vững ngai vàng.

Trần Kiến đời vua Trần Nhân 1279-1293 khi làm an-phủ ở Thiên trường, móc họng nôn trả đồ ăn của kẻ thỉnh-thác.

Chu An, dưới triều Trần Minh (1314-1329), treo mũ, từ quan, quay về vườn ruộng vì chính kiến không được nhà vua ứng-dụng, sở «thất trảm» bị vứt bỏ trong đống công-văn !

Những nhân-vật như thế thật không thiếu gì trong các triều-đại xưa. Mà xét ra, những « người lịch-sử » ấy sở dĩ lưu truyền được tiếng thơm muôn đời, là vì họ không những giàu công-đức, lại chính vì họ giữ tư-đức được hoàn toàn đấy.

Đời nay, ai cũng phải nhận, hạng sĩ tuy có tiến về mặt tri-thức ít nhiều, nhưng một số đông rất kém về tư-đức.

Theo họ, không có gì đáng tôn thờ ngoài sắc đẹp ; không có gì đáng ham chuộng ngoài tiền tài.

Họ chối kệ hết mọi bổn phận trừ ra lệnh truyền của Dâm-thần.

Họ bịt tai che mắt trước những sứ-mạng thiêng liêng trừ ra những tiếng đòi gọi kêu gào của xác thịt.

Lấy nề quan-sát, khảo cứu, họ lăn-lóc trong vòng trụy-lạc, sống những mẩu đời bê-tha ở các « hộp đêm ».

Mượn tiếng phóng-khoáng, tiêu khiển, họ say-sưa trong làn khói thuốc mơ-màng Rồi họ cứ đưa dần đời họ xuống vực tanh hôi nhớ-nhớp

Họ xướng lên những thuyết ngụy biện : không cần phải giữ tư-đức, miễn là đời công làm được việc là đủ rồi.

Rồi họ viện chứng cớ : Talleyrand (1754 1838), mặc dầu đời tư hư hỏng, nhưng có tài ngoại giao, vẫn được kể là một nhân-vật có giá-trị.

Nghĩ vậy, họ vội sống ngay một cuộc đời bừa bãi :

Xem tiếp trang 5

QUYỂN «VĂN-HỌC ĐỜI LÝ»

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

KỲ trước, nhân nói đến bộ *Việt-nam văn-học* của ông Ngô tất-Tố, tôi có bàn rằng: trước khi đem một bài văn cổ ra dịch, cần phải sưu-tập hết các bản in, bản sao, như những bản mà Chính-phủ đã thu-thập cho thư-viện trường Bác-cổ, thư-viện Bảo-đại ở Huế, v. v. Bao giờ xét ra tạm đủ, mới đem đối-chiếu với nhau, xem bản nào đủ, bản nào đúng, theo đấy mà dịch, rồi chép những câu khác nhau thế nào và biện rõ lấy ở bản nào ra, diễn-giải cho phân-minh, để người xem có đủ tài-liệu mà phán-đoán. Ông Ngô tất-Tố không theo cái phương-pháp ấy, cho nên tập *Văn-học đời Lý* của ông xuất-bản hồi đầu năm, có nhiều chỗ chép thiếu và dịch sai: tôi nói qua mấy câu sau này làm thí-dụ.

Đón xem

Tôn Thọ Tường

một danh-sĩ đất Đồng-Nai (1825-1877)

KHUÔNG-VIỆT biên soạn

THIẾU-SƠN đề tựa,

« . . . Một công trình có giá trị « về lịch sử và một tấm gương « tiết tháo để soi chung ».

Nhà NGUYỄN-KHÁNH-ĐÀM
12, Rue Sabourain, Saigon
phát hành.

I. — Tờ di-chiếu của vua Lý Nhân-Tôn

Tháng chạp năm đinh-vị 1127, hiệu Thiên-phù-khánh-thọ thứ nhất, vua Lý Nhân-tôn, 1072-1127, bị bệnh, vời thái-úy là Lưu khánh-Đàm vào cung, trao cho tờ chiếu, trong có câu: « Trẫm điệu tảo-tuế nhi tự ưng đại-bảo » Sách *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 3, tờ 25 b, và sách *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, quyển 4, tờ 17 b, đều in đúng như thế. Ông Ngô tất-Tố chép thiếu chữ *ưng*, ông lại dịch là: « Trẫm vẫn đau xót từ khi tuổi thơ, đã phải nối ngôi báu lớn »!

Theo sách *Từ-nguyên*, quyển mão, trang 27, chữ *điệu* có nghĩa là đau thương, nhớ thương, nhưng cũng có khi dùng để nói lúc hãy còn thơ-ấu — « ấu-giả chi xưng »: kinh *Lễ* có câu: « Thất niên viết điệu », nghĩa là bảy tuổi gọi là điệu. Chữ điệu ở tờ chiếu chính là nghĩa này: vua Lý Nhân-tôn lên ngôi mới có bảy tuổi, thì câu trong tờ chiếu, theo lối văn nho, lại càng hay lắm. Vậy phải dịch là: « Trẫm khi nhỏ tuổi mà vâng nối ngôi báu lớn », chứ không phải « Trẫm vẫn đau sót từ khi tuổi thơ, đã phải nối ngôi báu lớn ».

Cũng trong tờ chiếu ấy, ông Ngô tất-Tố bỏ hẳn câu: « Ô hô! tang-du dục thệ, thốn-quỉ nan đình; cái-thế khí-từ, thiên-niên vĩnh-quyết » chép trong *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 3, tờ 26 a. Câu ấy nghĩa từng chữ là: « Than ôi! bóng tang-du muốn đi, tấc-nắng khó dừng lại; khí-từ người cái-thế, nghìn năm ly-biệt lâu dài » Văn nho thường lấy cây tang-du để ví cảnh già: *Từ-nguyên* chua rằng « Nhật lạc chi thời, kỳ quang thượng lưu ư tang-du chi thượng », nghĩa là khi mặt giời lặn, bóng sáng còn ở trên cây tang-du: ý nói người chết. Câu « bóng tang-du muốn đi » trong tờ chiếu, trái với nghĩa ở lại, tức là muốn sống lâu.

Tờ chiếu có hai câu hơi tối nghĩa, là câu: « Nhưng ngưỡng nhĩ thần-thứ, nhất tâm bật-lượng. Tư nhĩ Bá-Ngọc, thực trượng-nhân khí ». Ông Ngô tất-Tố dịch là: « Và phải nhờ vào bầy tôi, kẻ dân của con giốc lòng giúp đỡ. Lại hỏi Bá-Ngọc, ngươi thực vẫn có khí-độ người lớn! » Dịch như thế có lẽ sai, vì *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục*, quyển 4, tờ 17, lược chép hai câu ấy như sau này: « Nhĩ Khánh-Đàm, Bá-Ngọc đẳng, tận tâm giáp phụ », nghĩa là Khánh-Đàm, Bá-Ngọc, các ngươi, hết lòng giúp đỡ. Cứ như thế thì phải dịch là: « Vẫn trông cậy thần-thứ các ngươi một lòng tin giúp. Ôi! Bá-Ngọc nhà ngươi, thực là khí-độ trượng-phu ». Câu dưới có chữ *tư*, nghĩa là bàn, là than-thở, là tư hỏi: ở đây phải lấy nghĩa than-thở. Cả hai câu đều là lời vua dặn hai ông phụ-chính, chứ không phải là lời dặn vua con. Đến câu « sức nhĩ qua-mâu », nghĩa là sửa sang vũ-khí của các ngươi mới là lời dặn chung cả

vua cơn và các quan. Ông Ngô tất-Tố dịch sai, vì không chịu tìm-tòi tra-cứu.

Ông dịch những chữ lặt-vặt cũng sai nhiều : như câu « hà kỳ hưng ai » nghĩa là « việc gì mà phải khóc », ông dịch là « can gì mà phải thương xót » ! Chữ « hưng ai » ở câu này cũng giống nghĩa chữ « cử ai » trong gia-lễ ; nghi-tiết tế tang thường dùng chữ « cử ai » để bảo hiếu-tử khóc lên... Cấm khóc còn dễ ; chứ cấm thương xót thì nghe chừng khó lắm.

II. — Tờ chiếu thiên-đô của vua Lý Thái-tổ

Đại-Việt sử-ký toàn-thư, quyển 2, tờ 2 a, chép « năm canh-tuất 1010, hiệu Thuận-thiên thứ nhất, vua Lý Thái-tổ 1009-1028 cho thành Họa-lư là thấp-trũng chật-hẹp, không đủ làm chỗ ở cho đế-vương, muốn dời đi, tay viết tờ chiếu rằng... » Chữ nho là « thủ chiếu viết » ; vậy mà ông Ngô tất-Tố lại hỏi : « Tác-giả là ai, trong sử không thấy nói đến » !

Ông dịch tờ chiếu cũng có nhiều chỗ sai : như câu « nhà Chu đến Thành-vương ba lần dời kinh-đô », ông cho in là « hai lần » ; — câu « để là mưu-kế cho con cháu ức muôn đời », ông dịch là « lo lắng sẵn cho con cháu muôn đời » ; — chữ « đất cao mà khô-ráo », ông dịch là « mực đất của nó vừa cao vừa sáng sủa » : chữ nho là « sảng khải » : *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 2, tờ 2 b, đã chua là « cao-táo giả », nghĩa là khô-ráo, thế mà còn nhầm được !

III. — Lịch-sử văn-học đời Lý

Ông Ngô tất-Tố chép sử cũng sai và cũng thiếu nhiều. Tôi trích trong *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* những đoạn sau này để bổ-chính cho mấy trang đầu ở quyển *Văn-học đời Lý*.

« Tháng tám năm canh tuất 1070, hiệu Thần-vũ thứ hai, đời vua Lý Thánh-tôn, mới dựng văn-miếu ở phía nam thành Thăng-long, nay tức là văn-miếu Hà-nội, tô tượng Chu-công, Khổng-tử và tượng tứ-phối (bốn vị phối-hưởng là Nhan-tử, Tăng-tử, Tử-tư, Mạnh-tử), vẽ tượng thất-thập-nhị hiền (72 người học-trò giỏi của đức Khổng) bốn mùa hưởng-tự. Vua sai hoàng-thái-tử tới Văn-miếu học. Ngô-Sĩ nói rằng : « Họ Lý được nước đến đây, tức là năm 1070, năm-mươi-nhăm năm, mà việc tôn cúng thánh-hiền mới thấy ở đây, há chẳng phải trước đạo Phật mà sau đạo Nho vậy ru ! » *Khâm định Việt-sử*, quyển 3, tờ 30 a.

« Đời Lý xưa kia lập Văn-miếu thờ chung cả đức Chu-công và đức Khổng-tử. Đến tháng chạp năm bính-tý 1165, hiệu Đại-định thứ 17, Tô-hiến-Thành xin lập riêng miếu thờ đức Khổng-tử, vua nghe theo, lập miếu ở phía nam thành Thăng-long » *Khâm-định Việt-sử* quyển 5, tờ 8 b.

« Năm ất-mão 1075, hiệu Thái-ninh thứ tư, đời vua Lý Nhân-tôn, bắt đầu lấy ba tràng thi học-trò, cách-thức thế nào không rõ ; *tam-tràng* : văn-thức vô khảo. Kén những người thông nghĩa sách minh kinh, học rộng bác học, dàng ba tràng thi học-trò, cho Lê-văn-Thịnh đỗ đầu, vào hầu vua học. Khoa-mục nước ta bắt đầu từ đấy. Sách *Danh-tiết-lục* của Trần-ký-Đằng chép Văn-Thịnh là người làng Đông-cứu, huyện Gia-định, tức là huyện Gia-bình bây giờ, tỉnh Bắc-ninh. Tính ham học. Lúc bấy giờ chưa có khoa-cử, dù có học-trò thông-mẫn, cũng phải do đạo Phật cất lên. Văn-Thịnh một mình ham

Đã xuất bản

Mẹo chữ Hán, một quyển sách rất cần cho người học chữ Hán. Giá 0p.35
Nét mực tình thơ văn của cử-nhân Dương Bá-Trạc. Giá 0p.30
Tiếng gọi đàn (luận thuyết) — id. — Giá 0p.30
Đời tài hoa (tập lịch-sử ly kỳ của cụ Nguyễn Hàm-Ninh, bạn đồng thời với các cụ Cao Bá-Quát, Nguyễn Văn-Siêu, Nguyễn Công-Trứ, Tùng Thiện-Vương và Tuy Lý-Vương). trong sách có tự-tích cụ Cao Bá-Quát và Tùng Thiện-Vương. Giá 0p.35
Công việc nhà Băng (sách này rất cần cho các nhà buôn) của Dương Tự-Nguyên. Giá 0p 65
Vận văn bách tuyển (sách cho trẻ học rất tốt đã in đến lần thứ 5, của Dương Tự-Quán. Giá 0p.50
Tập bài thi bằng sơ học yếu lược của Dương Quảng-Hàm và Dương Tự-Quán đã in đến lần thứ 7 Giá 0p.35
Ấu học pháp tự tân thư, trẻ con mới học chữ Pháp nên dùng quyển này của Đặng đình-Hướng, đã in đến lần thứ 5 Giá 0p.12
Mua 1 quyển thêm cước thường 0p.10
Mua cả, cước chung từ 0.p28 đến 0p.40
Đề cho : ĐÔNG - TÂY THƯ QUÁN *195, Hàng Bông — Hanoi*

đọc sách, đến đây, tức là năm 1075, mở khoa, dự tuyển hơn mười người. Văn-Thịnh đỗ đầu. Đời bấy giờ truyền tụng rằng : « Lê-thị phát khôi », « nghĩa là họ Lê đỗ đầu trước tiên » (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 33 b-34 a).

« Tháng tư năm bính-thìn 1076, hiệu Anh-vũ-chiêu-thắng thứ nhất, đời vua Lý Nhân-tôn, đặt nhà Quốc-tử-giám, kén văn-thần có văn-học bổ vào sách (*Đại-Việt* chép hơi khác, dưới kia sẽ dịch), chọn kẻ sĩ có tài văn-vũ, cho ra cai-trị quân-dân. » *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 38 a.

« Tháng hai năm đinh-tỵ 1077, hiệu Anh-vũ-chiêu-thắng thứ hai, thi lại-viên, về thư (tập viết,) toán tính, hình-luật ; ai trúng tuyển, bổ làm quan. » *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3 tờ 40 a.

« Tháng tám năm bính-dần 1086, hiệu Quảng-hựu thứ hai, đời vua Lý Nhân-tôn, kén người văn-học sung viện Hàn-lâm. Mạc-hiển-Tích người làng Long-động, huyện Chí-linh, đỗ đầu, bổ Hàn-lâm học-sĩ » *Khâm-định Việt-sử*, quyển 3, tờ 45 a.

« Tháng mười năm nhâm-thân 1152, hiệu Đại-định thứ mười-ba, đời vua Lý Anh-tôn, có điện-thí. Sử của Ngô-Sĩ chua rằng : « Thời bấy giờ phép khoa-cử chưa có định-thức ». Có lẽ bấy giờ vua xuống chiếu kén chọn những học-trò trong thiên-hạ, nên vua mới thân-ngự ra thi ở điện-đình. Nhưng văn-sử chép không rõ, nay không thể khảo-cứu được. » *Khâm-định Việt-sử*, quyển 5, tờ 5 b.

Tháng tám năm ất-dậu 1165, hiệu Chính-long-bảo-ứng năm thứ ba, đời vua Lý Anh-tôn, thi học-sinh » *Khâm-định Việt-sử*, quyển 5, tờ 13 a.

« Tháng giêng năm ất-tỵ 1185, hiệu Trinh-phù thứ mười, đời vua Lý Cao-tôn thi, học-trò sung vào tòa ngự-điện hầu vua học. » *Khâm-định Việt-sử*, quyển 5, tờ 22 b.

« Năm ất-mão 1195 hiệu Thiên-tư-gia-thụy thứ mười, đời vua Lý Cao-tôn, mới bắt đầu thi tam giáo : lấy Nho, Đạo, Thích, thi học-trò ; người nào trúng cho xuất thân. » *Khâm-định Việt-sử*, quyển 5, tờ 26 a.

« Tháng giêng năm đinh-sửu 1097, hiệu Hội-phong thứ sáu, vua Lý Nhân-tôn xuống chiếu làm sách *Hội-điển* : kiểm-xét so-sánh các điều-lệ trong điển-cũ, chép thành sách cho thi-hành » *Khâm định Việt sử*, quyển 4 tờ 2a.

Ông Ngô tất-Tố không chép tên quyển sách ấy ; ông nói « năm Anh-vũ chiêu-thắng thứ nhất 1076, mới đặt nhà Quốc-tử-giám, và bổ những người văn-thần có văn-học vào coi (?) nhà ấy ». *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 3, tờ 10 a, chỉ chép rằng « kén quan-viên-văn-chức người nào biết chữ nho vào Quốc-tử-giám » (tuyển văn-chức quan-viên thức tự giả nhập Quốc-tử-giám).

Còn nhiều việc nữa cũng phải đem ra kiểm điểm với các bộ sử chữ nho, thì may mới biết rõ được đôi chút : nếu cứ theo một quyển, thì dễ nhầm, mà không lấy gì làm đích xác.

Riêng về sách quốc văn, xét ra sử học và văn học còn đang ở thời ấu-trĩ, tức là còn phải đi tìm kiếm tài-liệu. Nếu không tìm-kiếm cho cẩn-thận, thì còn lâu mới tới được thời-kỳ cường-tráng, sử là thời-kỳ thường sản-xuất ra những sách soạn theo phép khoa-học, tổng-quát được những thời-kỳ lớn trong lịch-sử, và giúp ích cho cả công-chúng lẫn người chuyên trị về khoa sử học.

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

Sĩ-phu với tư-đức

tiếp theo trang 2

Đi tìm khoái-lạc, mặc dầu việc làm có hại đến danh giáo, đến đạo đức.

Quăng hết liêm-sỉ, họ hạ mình làm những việc rất bỉ-ổi, rất xấu-xa, không đếm xỉa đến dư-luận chân chính.

Thế mà họ dám lê công-thị dưới gót giày phàm phũ, đóng vai mạt-sát bậy, tiểu-mạ càn, không còn kiêng-nể chút gì, chẳng hề biết tự trọng là vật chi nữa !

Vẫn biết « tự khi » là quyền riêng của họ Coi khinh tư-đức, lại là « chủ-nghĩa » riêng của họ.

Nhưng nào họ có biết : đời tư rất có liên-lạc với đời công. Một người tư-đức không trong sạch, dù bề ngoài có làm bộ sốt sắng lo việc xã-hội đi nữa, cũng dễ bị người ta ngờ rằng : « Hắn sẽ lợi-dụng đấy ! »

Không bao giờ người ta có thể tha-thứ được những kẻ lu-bù trong đất rượu trời hoa bằng tiền không phải lấy ở túi riêng mình nhưng lấy ở việc công mà họ dán cho cái lá nhãn tốt đẹp là tinh phí tổn trong khi « giúp việc nghĩa ».

Chưa theo kịp cái tài ngoại giao của Talleyrand, xin ai đừng vội vin lấy phương-diện tư-đức của ông ta mà lót miệng, mà buông mình vào vòng tự bạo tự khi.

∴

Tư-đức như chiếc áo lót mình. Ta không thể lấy gấm vóc lòe-loẹt bề ngoài mà che đậy được những nhơ-nhớp bề trong nếu áo lót mình của ta cổ bẩn những ghét và của tay hoen ố những bồ-hôi.

Tư-đức như cốt gỗ. Nước sơn bề ngoài dù bóng-bẩy đến đâu rồi cũng có lúc phải bại hư vì những chỗ giác mọt ~~của chiếc bàn~~ nếu cốt gỗ nó không tốt.

HOA-BẰNG

VẤN-ĐỀ « HỌC »

II. — *Một chút lịch-sử của bậc* SƠ-ĐẲNG TIỂU-HỌC PHÁP

NHÂN-NGHĨA

CÙNG ở mục này, trong bài trước, tôi đã nói rõ những sự thay đổi hiện nay đang thực-hành trong ban tiểu-học Pháp. Ở Đông-dương, tháng Juin vừa qua đã bắt đầu có kỳ thi lấy bằng « *Diplôme d'études primaires préparatoires* ». Tháng Septembre sắp tới sẽ có một khóa thi đặc-biệt cũng để lấy bằng ấy. Bắt đầu từ học-khóa 1942-1943, các trường cao đẳng tiểu-học Pháp đổi ra làm trường trung-học.

Độc-giả đều biết rằng, theo chế-độ cũ, ban tiểu-học Pháp chia ra hai bậc : sơ-đẳng tiểu học và cao-đẳng tiểu học.

Hôm nay, tôi muốn thuật lại một chút lịch-sử của bậc sơ-đẳng tiểu-học Pháp, trong khoảng 60 năm gần đây, nói cho đúng, kể từ hai đạo luật ngày 28 Mars 1882, và 30 Octobre 1886, sắc-lệnh và nghị-định ngày 18 Janvier 1887. Từ bấy đến nay, bậc sơ-đẳng tiểu-học Pháp đã được nhiều phen cải-cách bởi nhiều nghị-định của các ông tổng-trưởng bộ Giáo-dục mà quan-trọng nhất có những nghị-định ngày 23 Février 1923, 1er Février 1924 và 23 Mars 1938.

Còn bậc cao-đẳng tiểu-học Pháp sẽ được nói đến trong một bài khác.

.·.

Qua bao nhiêu lần cải-cách, chắc phải có những điều không hề thay-đổi. Đó là những cái gì có tính cách vĩnh-viễn, đó là nền-tảng trên ấy người ta đã xây-dựng bậc sơ-đẳng tiểu-học. Những cái ấy thì thay đổi làm sao được.

Theo luật cưỡng-bách giáo-dục năm 1882, trẻ con Pháp đủ 6 tuổi 6 ans révolus bắt buộc phải đi học cho đến năm hết 13 tuổi 13 ans révolus.

Các trường sơ-đẳng tiểu-học đều bắt đầu thu-nhận học-sinh năm chúng lên sáu.

Nhưng trước hạn tuổi ấy, ngay từ năm lên hai lên ba, trẻ con Pháp đã được đưa đến các trường «bảo-mẫu» écoles maternelles. Lên bốn lên năm, chúng được vào các lớp «nhi-đồng» (classes enfantines). Ở hai nơi này, dưới quyền săn-sóc của các nữ-giáo-viên, chúng vừa chơi đùa, vừa được nhận một thứ giáo-dục sơ-khai cho đến khi đủ tuổi vào trường sơ-đẳng tiểu-học.

Theo nghị định ngày 18 Janvier 1887, bậc sơ-đẳng tiểu-học chính-thức chia ra ba lớp : sơ-đẳng trung-đẳng và cao-đẳng. Trường nào cũng bắt buộc phải có đủ ba lớp ấy, không kể số học sinh nhiều ít và nhà trường nhiều buồng hay ít buồng.

Nghị-định ngày 21 Juillet 1921 đặt thêm một lớp dự-bị section préparatoire và chia các lớp học theo hạn tuổi sau này :

Section préparatoire : một năm từ 6 đến 7 tuổi.

Cours élémentaire : hai năm từ 7 đến 9 tuổi.

Cours moyen : hai năm từ 9 đến 11 tuổi.

Cous supérieur : hai năm từ 11 đến 13 tuổi.

Thế nghĩa là ba lớp sơ-đẳng, trung-đẳng và cao-đẳng, mỗi lớp chính-thức chia ra hai năm học 1ère année và 2è année, y như kiểu lớp trung-đẳng bên ta.

Lẽ tất nhiên, không phải trường nào cũng có đủ 7 buồng học và 7 ông giáo để đồng-thời có đủ 7 lớp.

Khoản 11 nghị-định ngày 18 Janvier 1887 định như sau này :

NHỮNG SÁCH NÊN XEM

Truyện đức Khổng tử	1.00
Mấy thầy tu huyền bí	1.10
Na-Tiên Tỉ-kheo kinh	
Cuộc vấn đáp về đạo-lý	0.80
Pháp-giáo nhà Phật	1.10
Tăng-đồ nhà Phật trọn bộ 2 quyển, có nhiều tích hay	2.50
Chuyện Phật đời xưa	1.00
Du lịch xứ Phật	0.90

Ở xa, gửi mandat phụ thêm 10 % làm cước phí. — Cũng gởi lĩnh hóa giao ngân. Các hàng sách mua buôn có hoa hồng 25 %, và khỏi cước

Thơ đề:

M. ĐOÀN-TRUNG-CÒN

143 - Rue de Louvain, Saigon

Nếu trường chỉ có một buồng và một giáo viên, thì ba lớp sơ-đẳng, trung-đẳng và cao đẳng học thung ; khi ấy mỗi lớp không cần tách r êng làm hai nhưng học sinh vẫn phải học đủ hai năm một lớp.

Nếu trường có được hai buồng và hai giáo-viên, thì một ông coi ớp sơ-đẳng, một ông coi lớp. trung đẳng và cao-đẳng.

Nếu trường có được ba buồng và ba giáo-viên thì ba lớp tổ chức riêng biệt nhau.

Trường có bốn buồng, thì lớp sơ-đẳng lấy hai buồng cho hai năm thứ nhất thứ nhì, còn hai lớp kia mỗi lớp một buồng.

Trường có năm buồng, thì hai lớp sơ-đẳng và trung-đẳng mỗi lớp lấy hai buồng cho hai năm thứ nhất thứ nhì, còn lớp cao-đẳng một buồng.

Trường có sáu buồng thì thật hoàn-toàn : mỗi lớp lấy hai buồng cho hai năm thứ nhất thứ nhì.

Theo chế-độ 1887, sự có một lớp dự-bị không cần lắm vì trước khi vào lớp sơ-đẳng năm 7 tuổi, học sinh đã có thể học đọc, học viết trong các trường «bảo - mẫu» hay lớp «nhi-đồng» rồi. Chế độ 1921 đặt ra lớp dự-bị để cho các trường sơ-đẳng tiểu-học gánh đỡ một phần công-việc của các trường kia

Có điều này ta cần phải nhớ : dù trường có một buồng hay nhiều buồng, thời-hạn theo học mỗi lớp sơ-đẳng, trung-đẳng hay cao-đẳng vẫn là hai năm.

Khoản 12 nghị định ngày 18 Janvier 1887 có nói rõ như sau này :

« Khi nào một lớp có được hai buồng học, thì một buồng dùng cho năm thứ nhất và một buồng dùng cho năm thứ hai của lớp ấy. Hai năm học của một lớp như thế cùng theo một chương-trình, nhưng bài học và bài làm sẽ xếp đặt để, trong năm thứ hai, học sinh học lại, học rộng thêm và bồi-bổ những khuyết-điểm của năm thứ nhất »

Thế nghĩa là chương - trình học không tách riêng cái gì học năm thứ nhất cái gì học năm thứ hai, như trương-trình hai lớp trung-đẳng bên ta.

Vì cớ mỗi lớp « chính thức » phải chia ra hai năm, nên năm thứ nhì thường coi như một lớp trung-gian luyện học - sinh lớp dưới cho g ồi thêm để lên lớp trên. Bởi thế, trong các sách giáo-khoa của Pháp, ta thường thấy cùng một tên sách và tên tác-giả, có hai quyển đề « Cours Elémentaire » và « Cours Moyen » chẳng hạn, thì lại có một quyển đề « Cours Elémentaire et Moyen », tức là quyển dùng cho năm thứ hai của lớp sơ-đẳng (Cours Elémentaire 2e année).

Tôi nhớ khi còn cắp sách đi học, thấy quyển nào đề *Cours Supérieur 1ère et 2ème années* thì yên trí là sách ấy dùng cho lớp cao-đẳng và hai năm thứ nhất thứ hai của bậc cao-đẳng tiểu-học. Mãi sau này mới hiểu rằng đấy chỉ là một quyển sách soạn theo trương-trình hai năm của lớp cao-đẳng thôi.

Thống chế Pétain đã nói :

« Oai - lực của vị Quốc - Trưởng vẫn thường để cho mọi người được trông thấy và cảm thấy. Oai-lực đó chỉ có thể ủy và chia vì những sự cần dùng định nghĩa rõ ràng, mà không làm lẫn-lộn quyền - hành cùng trách - nhiệm ».

Những điều tôi giảng-giải trên này là cái nền-tảng bất-di bất-dịch của bậc sơ-đẳng tiểu - học Pháp, từ khi có những đạo-luật 1882-1886 đến mãi bây giờ mới bị sửa đổi đôi chút như tôi đã nói trong bài trước : bậc thứ nhất trong ban tiểu-học chia ra một lớp dự-bị, hai lớp sơ-đẳng và hai lớp trung-đẳng ; bậc thứ hai chia ra hai năm, có gọi là lớp cao-đẳng không thì ta chưa biết chắc.

Còn trong khoảng 60 năm, ba lần cải-cách quan-trọng 1923-1924-1938 đã sửa-đổi những gì ?

Một đạo nghị - định ngày 23 Février 1923 sửa lại hẳn chương-trình bậc sơ-đẳng tiểu-học, từ lớp dự-bị đến lớp cao-đẳng.

Một đạo nghị-định nữa cùng ngày ấy sửa đổi cách thức thi bằng sơ-đẳng tiểu-học.

Một đạo nghị-định ngày 1er Février 1924 thay đổi bản nghị-định trên này về bằng sơ-đẳng tiểu-học.

Ngày 23 Mars 1938 có những bá đạo nghị định : một cải-cách lần nữa cái bằng sơ-đẳng tiểu-học một sửa đổi chương - trình hai năm lớp cao - đẳng và một đại

Vừa xuất bản

CHÚ' NHO HỌC LẤY

Cử-nhân DƯƠNG BÁ-TRẠC soạn

Giá : 1 p. 00. Cước thường 0 p. 12 Cước đảm bảo 0p32

Thư và mandat đề cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY

195 phố Hàng Bông — Hanoi

thêm một lớp nữa gọi là « cours de fin d'études primaires élémentaires » học trong một năm (từ 13 đến 14 tuổi).

Chương-trình hiện nay đang dùng trong bậc thứ nhất ở ban tiểu-học Pháp, từ lớp dự-bị đến lớp trung-đẳng, tức là chương-trình của nghị-định ngày 23 Février 1923, trừ một vài khoản như luân-lý, sử-ký, mà cuộc cải-cách hiện-thời (1942) có sửa-đổi đi đôi chút.

Chương-trình của hai năm lớp cao-đẳng, do một đạo nghị-định ngày 23 Mars 1938 đặt ra, thì nay bãi bỏ rồi, vì bậc thứ nhì trong ban tiểu-học Pháp đã có chương-trình riêng khác hẳn.

Cái lớp kêu là « Cours de fin d'études primaires élémentaires », mới đặt ra năm 1938, bây giờ cũng không còn nữa.

Mục-đích của lớp ấy là thâu-nhận những học-sinh đã học qua lớp cao-đẳng nhưng không có ý muốn theo đuổi việc học mãi mãi, nên không lên bậc cao-đẳng tiểu-học hay vào ban trung-học. Họ chỉ có thể ở lớp ấy một năm thôi vì họ muốn từ-giã hẳn học-đường sau khi đủ 14 tuổi.

Bây giờ tôi xin nói đến cái bằng sơ-đẳng tiểu-học Pháp, là khoản bị sửa-đổi nhiều phen nhất của đạo nghị-định năm 1887.

Trước hết, theo nghị-định này, học hết năm thứ hai lớp trung-đẳng đã có thể thi lấy bằng sơ-đẳng tiểu-học rồi. Vì lẽ ấy không mấy người học thêm lớp cao-đẳng nữa.

Bởi thế, ngày 23 Février 1923, ông Léon Bérard, tổng-trưởng bộ Giáo-dục nước Pháp, mới ký một đạo nghị-định sửa đổi như sau này : kỳ thi lấy bằng sơ-đẳng tiểu-học cũng có hai phần như thi tú-tài ; học hết năm thứ nhì lớp trung-đẳng thi lấy phần thứ nhất, rồi hết năm thứ nhất lớp cao-đẳng thi lấy phần thứ hai.

Cải-cách chưa được một năm, vì dư-luận phản-đối dữ-dội, ngày 1er Février 1924, một đạo nghị định khác cũng của ông Léon Bérard, đành lại cho kỳ thi có một phần như cũ, chỉ sửa đổi ít nhiều về các bài thi. Thí-sinh phải đủ 12 tuổi (12 ans révolus) tính đến ngày 1er Juillet năm thi. Như vậy, học-sinh nào hết năm thứ hai lớp trung-đẳng mà mới có 11 tuổi, đúng như thể-lệ về hạn tuổi các lớp, không được thi, lẽ tất nhiên cũng theo lớp cao-đẳng ít nhất trong một năm. Nghị-định ấy còn đặt ra một chương-trình riêng cho kỳ thi, rút ở chương-trình lớp trung-đẳng thêm ít nhiều của lớp cao-đẳng. Vì thế, ta thấy có những sách giáo-khoa đề như thế này : « Cours moyen et certificat d'études ».

Đến đạo nghị-định ngày 23 Mars 1938 thì bắt buộc thí-sinh phải học qua năm thứ nhất lớp cao-đẳng mới được thi, vì chương-trình thi hoàn-toàn lấy ở lớp ấy thôi.

Cuộc cải-cách năm nay lại đặt ra hai bằng cho ban tiểu-học, nhưng riêng biệt hẳn, chứ không phải hai phần của một bằng như năm 1923 : hết bậc thứ nhất của ban tiểu-học thi lấy bằng «diplôme d'études primaires préparatoires»; hết bậc thứ hai thi lấy bằng « certificat d'études primaires ». Chương-trình kỳ thi D E P P là chương-trình lớp trung-đẳng. Đỗ được bằng này, học-sinh có thể vào ngay ban trung-học, không bắt buộc phải qua hai năm cuối-cùng ở ban tiểu-học.

Đấy, lịch-sử cái bằng sơ-đẳng, tiểu-học Pháp « ly-kỳ » như vậy. Sau mấy phen cải-cách, ta lại thấy nó quay về chế-độ 1887 ; học hết lớp trung-đẳng là có thể thi rồi.

Trong một bài sau, tôi sẽ nói đến nội-dung chương-trình học và chương-trình thi của bậc sơ-đẳng tiểu-học Pháp, so-sánh với bậc học tương-đương ở bên ta.

NHÂN-NGHĨA

SẮP CÓ BÁN

Một tập phê-bình của LÊ-THANH

Văn-nhân và thi-nhân Việt-nam ngày nay

tập thứ nhất

TÚ MỠ

Đón coi

Chúa Nguyễn-Ánh có chạy thấu Côn-lôn không (có bản đồ)?
của LÊ THỌ-XUÂN

Cái chết của Trần Tiễn-Thành
của ĐÀO DUY-ANH

Một tình phụ, một hồn thơ
của SONG-CỐI

Ngôi mả hoang
của KIỀU THANH-QUẾ

Phê bình Sợ sống của Lê văn-Trương *do Hội-Thống viết*

Đã có bán

Nghệ thuật làm việc

Giá 0 p. 50

Sắp có bán

Trong 99 chóp núi

(Đỉnh-nhật-Thận với Thu dạ lữ hoài ngâm)

Một công trình khảo cứu của Đầu Tiếp Nguyễn văn-Đề. Tựa của Hà xuân-Tế

Nhà xuất bản Tân-Việt

49, Takou — Hanoi

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 14 — Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

IX. — CHỮ K (bài nối)

VỀ chữ *kim mã ngọc đường* mà ông Lê văn-Hòe cắt nghĩa trong quyển *Tàm nguyên từ điển*, trang 133, sách *Từ nguyên* chép đời Vũ-đế nhà Hán sai học-sĩ đợi chiếu ở cửa kim-mã để sẵn khi cố-vấn ; phía trước cung Vị-ương nhà Hán có ngựa đồng, cho nên gọi là kim-mã môn. Tự - vị Khang-hi chép thêm rằng trước kia là cửa Lỗ-Ban, đến đời Vũ-đế đổi là cửa kim-mã. Còn chữ *ngọc đường*, sách *Từ nguyên* chép ba nghĩa như sau này. Một là nói chung nhà phú-quí. *Cổ nhạc phủ* có câu : «Hoàng kim vi quân-môn, bạch ngọc vi quân-đường », nghĩa là vàng đỏ là cửa vua, ngọc trắng là nhà vua. Nghĩa thứ hai là nơi phi-tần ở. *Hán thư* có câu : « Nên bớt lòng yêu-chuộng của vua đối với những người trong iêu-phòng và ngọc-đ ường ». Nhan-Sư-Cổ chua nghĩa : ngọc-đường là nhà của nàng hầu yêu. Nghĩa thứ ba là tên dinh quan. Trong quan-nghi (quan-chế) nhà Hán có nói rằng : « Quan thị-trung có dinh ngọc-đường». Đời Tống, trong niên-hiệu Thuần-hóa, 990-994, vua Thái - tôn chứ không phải vua Thái-tổ, như ông Lê văn-Hòe chép ở trang 134 — cho tòa Hàn-lâm b ốn chữ « Ngọc đường chi thự». Thơ Tống Thái-tôn có câu : « Hàn-lâm thừa - chỉ qui, thanh-tĩnh ngọc đường trung», nghĩa là chức Hàn-lâm thừa - chỉ là quí - trọng, ở trong nhà ngọc-đường thanh - tĩnh». Từ đấy chữ ngọc-đường chuyên - chỉ vào tòa Hàn-lâm.

Kim-ô là mặt trời ; người ngày xưa tương truyền trong mặt trời có con quạ ba chân. *Ô* là con quạ. Còn nghĩa nữa, *Từ nguyên* chép là «phàm bắc sắc dai viết ô », nghĩa là phàm sắc đen đều gọi là ô.

Ở trang 135 quyển từ - điển của ông Lê văn-Hòe, nên thêm những nghĩa sau này vào chữ *kinh* là «sợ hãi» và «con ngựa sợ hãi» : 1, kinh-giới là đe doa. Sách *Quản tử* có câu : «Tam kinh đương nhất trí», ba lần đe-doạ, nên một lần đến : đe dọa là bảo rõ cho biết oai của mình, «vị diệu thị oai giã». — 2, loạn mạo là dáng loạn. Phú Trương - Dung có câu : « Ba sắc hoàn kinh» nghĩa là sắc sáng lại loạn. —3, tên một thứ bệnh : tiểu-nhi có chứng kinh-phong ; tục gọi chứng giản là chứng kinh (chép theo *Từ-nguyên*).

Kinh ở chữ kinh-đô nghĩa là lớn : *Từ nguyên* viết là « đại giã». Ông Lê văn-Hòe cắt nghĩa là «lớn hơn hết». Gò rất cao gọi là kinh. Nghìn vạn cũng gọi là kinh. Thông - dụng với chữ nguyên : cửu-nguyên cũng gọi là cửu-kinh, mộ-địa của khanh đại-phu đời xưa. Kinh còn là tên một họ : *Lộ-sử* chép rằng con cháu Lão - tử có họ Kinh. Sách *Công-dương truyện* chép : « Kinh - sư giả hà ? Thiên-tử chi cư giạ. Kinh giả hà ? Đại giã. Sư giả hà ? Chúng giã. Thiên - tử chi cư, tất dĩ chúng đại ngôn chi), nghĩa là « Kinh-sư là gì ? Là chỗ ở của đứng thiên-tử. Kinh gì ? Là lớn. Sư là gì ? Là nhiều. (Vì) đứng thiên-tử (là tôn-quí, cho nên) phải lấy (những tiếng) *nhiều, lớn* để nói vào chỗ ở », Sách *Học-sơn lục* chép : «gọi kinh-sư là kinh-đô bắt đầu từ đời Tấn họ Tư mã ; vì Cảnh-vương (Tư-mã-Sư) húy Sư, cho nên người Tấn kiêng chữ sư.»

Kinh Tam tạng là tên ba kho sách của Phật-giáo : chữ phàm (sanskrit) gọi là *Tripitaka*, tức là *Kinh, Luật Luận*. Kinh là lời nói của Phật. Luận là Bồ-tát chép ra để rõ nghĩa Phật-Luật là chép những điều răn-dạy, uy-nghi nhà tăng phải theo. Tạng là những việc cần phải biết — «nhất thiết sử ưng tri» : chữ *Từ-nguyên*. Ông Lê văn-Hòe nói «ba bộ ấy gồm 650 quyển như số sách Đường Huyền - Trang đã đem về Trung-Hoa», rồi ông đánh dấu hỏi. Trước khi giả lời câu hỏi ấy, tôi theo *Từ-nguyên* chép truyện Huyền Trang như sau này : « Tăng đời Đường, họ Trần, người Yển-sư, học rộng kinh luật, từng qua Ngũ Ấn-độ (đời xưa gọi là Ngũ Thiên-trúc, hoặc Ngũ Thiên, tức là đông, tây, nam, bắc, trung), nhập môn vị luật-sư tên là Giới-Hiền, thấu suốt điển Phật, hơn mười năm về nước, đem về hơn 650 bộ kinh luận, cùng học-trò dịch 75 bộ, nghĩa là trong 650 bộ mới dịch có 75 bộ, được 1338 quyển. Đời Thái-tôn (627-649) Cao-tôn 650 683 qui-trọng : Phật-giáo từ đấy dần thịnh.» Bộ *Tam-Tạng chính văn* có 1678 bộ, 6091 quyển, không phải thầy Huyền-Trang đem về cả. Thầy Huyền-Trang có làm một quyển sách về sự đi Tây - trúc, đề là *Tây-vực-ký* (không nên lẫn với truyện *Tây-du*), có ông Stanislas Julien dịch ra Pháp-văn, đề là *Mémoires sur les contrées occidentales*... par Hiuan-tsang. Còn bộ kinh *Tam tạng*, thì có những quyển mục-lục sau này, chép cả chữ Hán lẫn chữ phạm : *A Catalogue of the chinesse translation of the buddhist Tripitaka, the sacred Canon of the Budhists in China and Japan*, by Bunyiu Nanjio ; *Alphabetical List of the titles of works in the Chinesse Buddhist Tripitaka*... by Ed. Denison Ross, v.v.

Còn nữa

Ứng-hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

Giá báo

Mỗi số	0 p.	20
1 năm	8	50
6 tháng	4	50
3 tháng	3	25

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Đề cho :

M. le Directeur de la revue Tri-Tân Hanoi

MỘT GIỜ VỚI

Nhà văn Song-An Hoàng Ngọc-Phách

Tiếp theo kỳ trước

LÊ-THANH

TIÊN-SINH vừa kể cho chúng tôi vài kỷ-niệm của tiên-sinh với Lê Hữu-Phúc vừa đưa cho chúng tôi xem một bức thư màu xanh đã phai nhạt :

« *Đông năm Kỷ-tị, ngày 5 tháng 11 (5-11-29).*

« *Ông Song-An ơi, tin đau buồn quá, chắc lòng ông mấy buổi nay xao xác đã nhiều.*

Thôi ! còn nói gì được nữa. Tôi gửi mảnh giấy này đến ông, cũng chẳng qua gửi ông giọt nước mắt của người bạn gái mất Lê Hữu-Phúc mà thôi.

« *Trong bức thư dài ông Phúc gửi cho tôi tháng trước đây có nhắc đến ông T... và ông. Vậy giọt lệ thương tâm của bạn gái này cũng xin hòa cùng hai ông để khóc người bạn đáng thương đáng tiếc chung là ông Lê Hữu-Phúc, từ đây không bao giờ ta còn được gặp nữa.*

« *Trời Tây thăm thẳm, mấy vạn tràng dương, Lê quân một bước chân ra, ai hay tối thiên cổ đi về nẻo ấy ! Ông Song-An ơi, thật không ngờ mà ta sớm mất người bạn ấy.*

« *Thôi ! tiếc thương mấy nữa cũng là thôi ! Ông Phúc mất đi, để lại bạn cũ gần xa biết bao tấm lòng từ đây vắng-vẻ.*

« *Khôn ngoan chi lắm để man già.*

« *Nghĩ đến cái đời sống lênh-đênh, chết lênh-đênh của Phúc mà thương !*

« *Thương lắm thay ! bạn ôi !*

« *Chí làm trai chưa thỏa, u hồn đất khách hận bao thôi !* »

« Một người bạn gái ».

Nhớ ngày nào tôi vừa gửi cho anh Phúc một tấm ảnh mà anh bắt tôi phải có mấy câu thơ, Tôi đề rằng :

« *Gửi sang cho bác một Song-An*
» *Ngày vắng đêm khuya bác luận bàn*
« *Bút sắt chọc giời ai có hỏi.*
« *Rằng tôi với bác ở trần gian* ».

Nay anh đã mất !

Cái chết của anh làm mất của tôi một người bạn đồng-chí rất thân yêu. Không những thế, khi anh dự bị làm luận-án thi tiến-sĩ văn-chương, tôi gửi sang cho anh rất nhiều tài-liệu về văn-hóa Việt-nam. Anh mất trong một bệnh-viện, tứ cố vô thân, nên đồ-đạc của anh mất cả, những tài-liệu của tôi cũng mất. Sau nhiều lần tôi nhờ người tìm hộ nhưng không thấy.

— *Ngoài sự đào-tạo của nhà trường, về văn-chương và tư-tưởng, tiên-sinh còn chịu những ảnh-hưởng nào ?*

— Tôi sinh trưởng ở một đất văn-vật, ngay từ bé, việc văn-chương thì cứ là câu chuyện hàng ngày. Khi tôi ở nhà, tuy quốc-văn chưa được để ý đến, nhưng những chuyện văn-hóa — thứ nhất là những giờ cụ tôi giảng cổ-văn cho nghe — có lợi cho tôi nhiều lắm.

Những ngày học trong cái tuổi anh niên đã tạo cho tôi một cái cốt nho học. Xung quanh cái cốt ấy sau này, trong một trường chuyên về văn-chương, chúng tôi xây đắp tư-tưởng với những tài-liệu nhặt trong văn-chương Pháp.

Chúng tôi nhờ có những giáo-sư chuyên môn chỉ-bảo, đọc rất nhiều sách của các văn-nhân và thi-nhân Pháp. Mà càng học càng thấy cái rừng học bao-la man mác ; mình thì như một người trẻ tuổi, nhiều trí ham-muốn quá, thấy cái gì đẹp, cái gì hay đều muốn vơ lấy cả.

Chúng tôi đọc Bourget Barrès... nhưng thích nhất là những văn-gia, thi-sĩ về thế-kỷ thứ XVIII và XIX : Rousseau, Chateaubriand và bốn thi-sĩ mà chúng tôi gọi là « tứ trụ », tức là Lamartine, Hugo, Musset và Vigny.

— *Sau này tiên-sinh là một nhà văn thứ tình không phải là lạ.*

— Những thi-gia này hợp với tâm-hồn thanh-niên ta bấy giờ, cái tâm-hồn do thời-thế tạo nên. Chúng tôi đang ở vào một buổi giao-thời, tựa hồi Lê-mạt, Trần-suy ở bên ta và sau hồi đại cách mệnh về thế-kỷ thứ XVIII bên Pháp.

Đọc văn quốc-ngữ, chúng tôi chỉ có những bài thơ than về quốc-vận mà tác-giả là những người ôm chủ-nghĩa yếm thế vào hồi 1904 đến 1925.

Nhưng phải nhận điều này :

Ở mỗi thanh-niên chúng tôi hồi bấy giờ có hai sức mạnh phản-động : sức mạnh của tình-cảm và lý-trí. Sống cuộc đời bên trong thì sống với tình-cảm, nhưng khi hành-động thì hành-động theo lý-trí. Trong những cuộc đàm-luận, những cuộc bút-chiến của chúng tôi, sự xung-đột ấy có thể nhận thấy rõ-rệt.

Mà phải thế mới được. Sống với tình-cảm là cần cho tâm-hồn nhưng nếu cứ miên-man với tình-cảm thì còn làm được gì để lợi cho văn-chương, tư-tưởng.

— *Vì vậy mà ở sự-nghiệp của mỗi nhà văn ta phân-biệt hai phần, một phần khó-khan tìm thấy trong những bài nghị-luận về những vấn-đề văn-học, triết-học, luân-lý — tức như tập « Thời thế và văn-chương » — một phần thứ-tình tìm thấy trong những tiểu-thuyết, du-ký, thơ phú v. v. — tức như quyển « Tố-Tâm » của tiên-sinh.*

Tiên-sinh là đại-biểu không những cho những văn-gia, thi-gia, mà cả cho cái thế-hệ thanh-niên hồi bấy giờ ! Hơn nữa : Tiên-sinh viết văn có phương-pháp một vị giáo-sư và tâm-hồn một nhà thi-sĩ.

— Sự nhận-xét ấy có lẽ đúng.

— *Tiên-sinh cho biết về tiểu-thuyết Tố-Tâm.*

— Tiểu-thuyết *Tố-Tâm* tôi viết trong trường Cao-đẳng. Hồi ấy tôi có mục-đích viết một quyển tiểu-thuyết khác hẳn những tiểu-thuyết đã có, cả về hình thức và tinh-thần. Về hình-thức chúng tôi xếp-đặt theo những tiểu-thuyết mới của Pháp, lối kể chuyện tả cảnh theo văn chương Pháp cả. Về tinh thần, chúng tôi đem vào những tư-tưởng mới, tâm-lý nhân-vật được phân-tách theo phương-pháp của những nhà tâm-lý tiểu-thuyết có tiếng đương-thời. *Quyển Tố-Tâm là quyển tâm-lý tiểu-thuyết đầu tiên của ta, Nó mở một kỷ-nguyên mới trong lịch-sử của tiểu-thuyết ta.*

— *Có nhẽ thế. Nhiều nhà phê-bình cũng công nhận như vậy.*

— *Tiên sinh viết quyển ấy có dễ dàng không ?*

— Dễ-dàng, tôi viết trong hơn một tháng. Hồi ấy, tài liệu, chúng tôi sẵn cả : những bức thư tôi cần cho tiểu-thuyết, chúng tôi có sẵn ; chuyện cũng có sẵn, chỉ việc dàn xếp thêm bớt đi ít nhiều là tiểu-thuyết của tôi đã xong rồi.

— .....

— Nói thế không phải tiểu-thuyết của tôi là một truyện thật một trăm phần trăm như mọi người đã bảo. Họ cứ cho Tố-Tâm là người ở phố này, phố nọ .....

Ngay khi tôi còn ở trường Cao - đẳng nhiều bạn hỏi tôi : « Tố-Tâm là ai ? » Tôi chỉ cười mà không đáp. Có nhiều lần các bạn tinh - nghịch giấu những vật thiết dụng hằng ngày như sách-vở, quần áo, có khi giấu cả bài luận pháp-văn sắp phải nộp để « bắt cóc tôi » phải nói Tố-Tâm là ai... Lại sau này, một hôm, chẳng hội chùa Hương, mươi mười lăm anh em thư-sinh đương lênh-đênh trong hai chiếc thuyền trên sông Phủ - Lý. Đêm khuya, trăng sáng, các bạn đang cùng nhau ngắm cảnh, một bạn ngâm một câu trong truyện : « *mênh-mông sóng gợn chân giời* », « *ấy ai du-tử, tức người đào - nguyên* »... Một bạn nhớ ra, đề nghị : đem ngâm Song-An xuống nước, khi nào chơ biết hết chuyện thật về Tố-Tâm mới cho lên...

Nhân đây tôi xin giả lời chung các bạn đọc thân yêu. Chuyện đời có mấy khi giống hẳn như tiểu-thuyết. Người chép truyện tất phải thêm bớt ít nhiều cho truyện có mạch - lạc, có kết - cấu. Nhưng chép tâm-lý mà lại bịa chuyện ra thì không có nghĩa-lý gì cả. Đã là phân khảo một việc ở cõi lòng thì việc đó tất phải hiển-hiện, nhân-vật phải có thật, và những điều phát-động như thư tín, văn thơ trong truyện đều phải có. Nếu không, câu chuyện của mình chỉ là một lâu-đài bằng giấy dựng ở quãng không-gian, đứng vững sao được với gió mưa, ngày tháng ? Tóm lại, chuyện *Tố-Tâm* có thật, nhưng không thật hẳn trăm phần trăm.

— *Tiên - sinh có thể cho biết dư luận đối với quyển Tốtâm khi mới xuất bản.*

— Có lẽ nó ra đời vào lúc người mình đang chờ một tiểu-thuyết như thế. Tiểu-thuyết của tôi được mến chuộng. Có nhiều người tôi tưởng không khi nào đọc đến sách mà cũng hỏi tôi. Người ta nói đến tôi luôn. Ở chỗ đông người có ai nói đến tên tôi là thấy nhiều người thì thào chỉ trỏ, nom hình như tôi đã phạm một lỗi gì. Người ta giới-thiệu tôi thường chỉ nói đến tên quyển sách. Hồi đó, tôi nhận được rất nhiều thư của các độc giả : Người hoan nghênh cũng lắm ; người công-kích cũng nhiều. Phái thứ hai này phần đông là các ông thủ-cựu, người ta chê phần luân lý của quyển truyện và hết câu quá buồn.

Ông tính : một quyển sách tuyệt tác như quyển Kiều mà còn bị người ta cho là dâm thư, huống chi quyển *Tố-Tâm* không trách có người cho là « vô đạo ». Nhưng dư-luận bây giờ khác hẳn phần luân lý người ta không để ý lắm nữa, cho là một việc rất thường như trong các tiểu thuyết Âu-tây. Người ta tìm thấy trong *Tố-Tâm* có nhiều quan niệm về tư-tưởng văn chương khác, can hệ hơn, đó là một thâm ý của tác giả mà bây giờ nhiều nhà phê-bình đã chú ý phân-khảo ra. Hiện nay tôi đã thấy ở các bậc trung-học, cao-học đem giảng thuyết quyển truyện đó. Và, mới đây, tôi nhận được thơ của nha học-chánh Đông-pháp nói về quyển này.

— *Quyển Tố Tâm xuất bản được mấy lần.*

— Bốn lần tất cả, không kể lần in vào tập ký-yếu của hội sinh viên trường Cao-đẳng. Lần thứ nhất do nhà in Chân-phương xuất bản, cách trình bày hồi đó còn vụng về ; mấy lần sau do nhà Nam Ký xuất-bản. Lần in ở nhà Trung Bắc được ông Đỗ-Văn trông nom, nên sách rất đẹp. Ông Văn thật có biệt tài về nghề in.

Lần thứ tư hết đã lâu, tôi thường vẫn nhận được thơ hỏi, nhưng mấy năm nay chưa tiện đem in lại.

—*Tiên sinh có thể nhận được cái ảnh hưởng quyển tiểu thuyết của tiên sinh trong văn ta không.*

— Điều đó khó nói quá ! Tôi chỉ nhớ một lần, nhà làm báo Ngọc-Thỏ gặp tôi bảo : « Ông nhiều học trò lắm, nhưng toàn là học trò chưa có nghệ thuật bằng thầy. Tôi tưởng ông nói về học trò trường công, sau mới biết ông nói về ảnh hưởng quyển tiểu thuyết *Tố-Tâm* ấy.

— *Trong quyển Tố-Tâm, tiên-sinh hành văn trọng các lối cân đối, đọc lên nghe du dương, ý của tiên sinh đối với lối hành văn ấy thế nào ?*

— Hồi ấy tuy ta đã học Pháp-văn, nhưng chúng ta chịu ảnh hưởng lối hành văn của Tầu nhiều hơn. Cái điệu văn cân đối là điệu của Hán-văn . . . Ngày xưa ta viết văn là để ngâm to lên, làm thế nào cho khi đọc nghe du-dương là quý. Ngày nay, lúc ta viết, cố ý bỏ bớt chữ cho đỡ rườm-rà, nhưng cũng đừng đi đến cái cực đoan thứ hai, là làm nên những câu văn đọc trúc-trắc. Văn chương ta có một tinh thần riêng, cần phải giữ tinh thần ấy, bắt chước một cách triệt để lối hành văn của Pháp thế nào được. Tuy nhất là văn tiểu thuyết cần tả tình cảm nhiều, hành văn thế nào đọc lên nghe êm đềm vẫn hơn.

— *Tiên sinh cho biết ý kiến của tiên-sinh đối với những nhà tiểu thuyết ngày nay.*

— Thường tôi vẫn đọc những tiểu thuyết mới xuất bản của ông Nguyễn công-Hoan, Lê văn-Trương v. v. nhất là những tác phẩm của các ông Nhất-Linh và Khái Hưng là hai nhà văn quen biết từ lâu. Các ông ấy có một nghệ thuật chắc chắn, văn chương mới mẻ. Ấy là nói riêng về phương diện nghệ thuật về phương diện ý tưởng, cả công ấy đừng về mặt phá hoại, phá hết . . . ! Bây giờ còn đương thời kỳ « phá » chưa đến lúc kiến thiết, nên chưa thể phẩm bình.

— *Ý kiến của tiên-sinh về gia-đình thế nào ?*

— Tôi rất lưu ý về vấn đề đó. Bài luận-án của tôi ở kỳ thi tốt nghiệp trường Cao đẳng sư phạm bàn về gia đình Việt-nam và ảnh hưởng luân lý của gia đình (La famille annamite et son influence morale), lúc làm bài đó tôi đã xem hết những sách của tác giả người Âu trong các thư viện nói về gia tộc Việt-nam, Trung-hoa và Nhật-bản. Bài luận-án này được hội đồng chấm thi rất chú ý, nhất là một vị giáo sư triết-học : Cụ Houlier.

xem tiếp trang 18

Du-ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA-BỂ

Số 5

NHẬT-NHAM

TỈNH Tuyên-quang xưa là bộ Tân-hưng thuộc nước Văn-lang về đời Hồng-bàng.

Mãi tới thế-kỷ thứ XIII đời Tần bên Tàu, mới có tên là Tuyên-quang.

Niên-hiệu Vĩnh-lạc (1403-1424) nhà Minh, châu Tuyên-quang đặt thành phủ gồm 9 huyện : Khoáng-huyện, Dương-đạo, Văn-giang, Bình-nguyên, Đê-giang, Thủ-vật, Đại-man, Đồng-thượng và một hạt không nhớ tên.

Từ trước, Tuyên-quang vẫn thuộc quyền các thổ-hào độc-lập.

Đến thế-kỷ thứ XV, tỉnh Tuyên-quang sáp nhập phạm-vi cai-trị của Nam-triều. Vua Lê Thái-Tổn ngự-giá thân-chinh diệt được hết đảng-khấu từ Vân-nam tràn xuống và hàng-phục được các tướng Nguyễn-Khải và Đào Quý-Dụng.

Tiếp đến nhiều cuộc tàn-phá do các đảng giặc khác gây nên, dân-tình thực là điêu-đứng ! Năm 1453, có nạn đói-kém, trong vùng giặc nổi như ong, nhiều tướng muốn nhân cơ-hội thoát-ly triều đình, nhưng lần lượt đều bị thất-bại cả !

Dưới triều Hậu-Lê, vùng Tuyên-quang bắt đầu trở nên yếu-địa. Có nhiều đường giao-thông nối với các tỉnh lân-cận, Tuyên-quang trở nên một đạo quan-trọng, khi thì biệt-trị, khi thì sáp-nhập Hưng-hóa. Trong tỉnh có nhiều đồn-ải để duy-trì cuộc trị-an.

Đã có lần, vua Lê Thái-Tổ sáp Tuyên-quang vào tỉnh Sơn-tây.

Sau đến vua Lê Thánh-Tôn đặt Tuyên-quang thành đạo, có quan Thừa-tuyên cai-trị, gồm có một phủ Yên-bình và năm châu Thu-châu, Đại-man, Bình-nguyên, Bảo-lạc, Lục-an.

Cuối niên-hiệu Quang-thiệu (1516-1521) nhà Lê, tỉnh Tuyên-quang bị giặc tàn-phá. Vũ Văn-Uyên là thổ hào miền Gia-phúc mộ quân chống nhau với giặc, dẹp yên được các đảng-khấu. Vua Lê Chiêu-Tôn phong cho Vũ Văn-Uyên làm quản đạo Tuyên-quang. Đến khi nhà Mạc cướp ngôi nhà Lê, Vũ Văn-Uyên và em là Vũ Công-Mật đem quân phản-kháng, không chịu theo nhà Mạc. Vũ Văn-Uyên mất rồi, Vũ Công-Mật kế chân, thống-lĩnh quân-đội và cai-trị Tuyên-quang. Vũ Công-Mật được vua Lê gia phong chức-tước, đóng ở Đại-đồng, tự xưng là Giá-quốc tướng-quân, phục-tòng vua Lê đang lánh nạn tại Qui-thuận tỉnh Thanh-hóa. Vua Lê Trang-Tôn ban khen và phong cho ấp Yên-tây. Trong khi nhà Mạc bị chúa Trịnh đuổi đánh, cướp phá các nơi, Vũ Công-Mật cai-trị xứ Đại-đồng, chỉnh-đốn binh-bị, tổ-chức cuộc nội-trị, chẳng bao lâu tổng Đại-đồng trở nên phồn-thịnh.

Hiện nay, tại Hạ-thôn xã Loan-hạ, trên hữu-ngạn sông Chảy, còn một bờ thành đất gọi là ải Hoàng-loan. Đó là di-tích một thành-trì của Vũ Công-Mật dựng nên, cạnh thành có giếng Hoàng-loan. Trên một ngọn núi, có mộ thân-phụ Công-Mật và có miếu dân thờ.

Vũ Công-Mật xưa có mở trại Yên-tây chống nhau với Mạc, hiện nay còn di-tích.

Sau khi Vũ Công-Mật mất đi, tỉnh Tuyên-quang trước sáp nhập Hưng-hoa, bắt đầu phân nạt, đặt dưới quyền cai-trị thổ-hào Lưu-Thụ.

Niên-hiệu Lê Quang-Hưng (1578-1599), quan Tàu chiếm đất huyện Vĩnh-tuy và châu Thủy-vĩ, đặt địa-giới tại Minh-trang-sơn. Nước Nam mất 40 dặm đất, mà việc chiếm-đoạt ấy được thanh-đế bên Tàu công-nhận và chuẩn-y.

Một viên thổ-hào Tuyên-quang là Hoàng-Phác biểu tấu triều-đình. Vua Lê phái Nguyễn Huy-Nhuận Tham-trị bộ Binh, lên miền bắc hội cùng sứ Tàu để định lại cương giới. Hai bên đều đồng-ý lấy sông Đồ-chú làm địa-giới, rồi dựng mốc và bia trên hai bờ sông.

Nhờ có nhà Lê, tỉnh Tuyên-quang được giữ nguyên bờ-cõi và hưởng cuộc thái-bình thịnh-trị. Nhưng chẳng bao lâu, giặc khách lại sang quấy nhiễu ; quan quân lại phải vất vả mới bình được.

Mãi đến khi vua Gia-Long 1802-1819 lên ngôi chính-thống, hợp nhất nam bắc, chỉnh-đốn việc nội-trị, đặt Tuyên-quang làm ngoại-trấn, quân Tàu mới chịu rút lui ; còn dư-đảng ở lại đều bị quan-quân ta đánh đuổi hết. Tuy vậy,

Hai cô gái thổ ở Tuyên-quang (*Tranh vẽ của họa-sĩ Trịnh-Vân*)

cũng còn nhiều thổ-hào nổi lên kéo cờ độc-lập, chống với quan-chức người Nam.

Đến đời Minh-Mạng 1820-1840, thổ-hào miền Bảo-lạc là Nông Văn Vân đánh nhau với Nam-triều trong vòng ba năm 1833-1835, làm khó-nhọc và hao binh tổn tướng rất nhiều.

Tháng chạp năm Quí-tị 1833, đạo quân của Lê-Văn-Đức và Nguyễn-công-Trứ vào đến Vân-trung, tức là Bảo-Lạc, là sào-huyệt của giặc Nông-Văn-Vân phải chạy trốn sang cho quan-quân bao phen khó-nhọc !

Nông Văn-Vân làm Tri-châu châu Bảo-lạc, tự xưng là Tiết-chế Thượng-tướng-quân và bắt viên tỉnh-phái thích chữ vào mặt : « *Quan tỉnh hay ăn tiền của dân* », rồi đuổi về.

Nông Văn-Vân chia quân cho đi đánh phá các tỉnh. Nhân thế rừng núi, hiểm Vân cứ xuất kỳ : hễ có quan quân đến, đánh được thì đánh, không đánh được thì lui, ra vào bất trắc, lui tới không nhất định. Quan-quân đi đánh thực là

Tầu.

Về sau, Nông văn Vân lại trở về Tuyên-quang, cho quân đi đánh phá như cũ.

Tháng 3 năm Ất-mùi 1835, Phạm-văn-Điền đem quân đánh đuổi. Vân chạy vào rừng. Phạm-văn-Điền vây 4 mặt rồi phóng hỏa đốt : Vân bị chết cháy ! Quan-quân chém lấy đầu đem về kinh báo tiệp.

Dưới triều Tự-Đức 1848-1883 tỉnh Tuyên-quang có bọn tên Uần, tên Nông-Hùng-Thạc khuấy nhiễu.

Tháng 3 năm quý-hợi 1863, Vũ-Tảo đánh lấy lại thành Tuyên-quang và bắt được tên Uần đóng cũi giải về kinh trị tội.

Dư đảng Hồn-Tú-Toàn bên Tàu là bọn Ngô-Côn-tràn sang nước ta đem quân đi cướp phá các tỉnh Tuyên-quang, Cao-bằng, Lao-kay Thái-nguyên.

Triều-đình sai Vũ-Trọng-Bình ra làm Hà-Ninh tổng-đốc kiêm chức Tuyên-Thái-Lạng quân-thứ khâm-sai đại-thần để dẹp giặc Ngô-Côn.

Năm Canh-ngọ, 1870, Ngô-Côn đem quân vây đánh Bắc-ninh, quan Tiễu phủ Ông Ích-Khiêm đánh một trận, bắn chết Ngô-Côn và phá tan quân giặc.

Ngô-Côn tuy chết, song còn đồ-đảng như bọn Hoàng-sùng-Anh hiệu cờ vàng, Lưu-Vĩnh-Phúc cờ đen, Bàn-Văn-Nhị, Lương-văn-Lợi, hiệu cờ trắng, vẫn quấy nhiễu ở mạn Tuyên-quang. Bao nhiêu thuế-má ở mạn này đều bị đảng Cờ đen Lưu Vĩnh-Phúc và đảng cờ vàng Hoàng-Sùng-Anh thu cả. Sau hai đảng ấy lại thù khích nhau, đánh phá lẫn nhau làm cho dân gian thực là tai-hại !

Ngày 31 Mai 1884, một đạo quân Pháp được lệnh tiến đánh thành Tuyên-quang.

Đảng giặc khách được tin, đều rút về đóng tại Vĩnh-Tuy và Lục-an-châu. Nhưng, trước khi kéo đi chúng ra lệnh cho dân-cư phải đốt phá hết rồi mới được chạy trốn. Người nào không tuân lệnh ấy sẽ bị chúng giết.

Vì vậy, tỉnh Tuyên-quang bị tàn phá, không còn là một di-tích gì ! Từ Phủ-Đoan đến Tuyên-quang mà cho tới Hà-giang, ta còn thấy nhiều cột đứng trơ-vơ, là dấu vết của các ngôi cổ-tự, các đền đài bị tàn phá vào hồi ấy.

Binh-sĩ Pháp vào thành Tuyên-quang như vào một bãi xa-mạc, không có nhà cửa, không có dân-cư.

Rồi trong vòng bao năm, binh Pháp phải vất-vả trong công việc tiễu-trừ các đảng-khấu, để đem lại cuộc thái-bình cho tỉnh Tuyên-quang.

Từ năm 1897, những dân cư đã tạm lánh trong mấy năm biến-loạn, lại lục tục kéo về làng, phục tòng người Pháp, yên nghiệp làm ăn.

Tỉnh Tuyên-quang dần dần mở-mang rồi trở nên phồn-thịnh như quang cảnh ngày nay đang bày dưới mắt chúng tôi trong khi thâu nhàn lãm thắng.

Ngày hôm ấy, vì đi đường xa mệt-nhọc, nên đặt mình xuống, tôi đã ngủ lúc nào không biết. Mãi đến khi tiếng gà gáy giục xôn-xao, mới bừng tỉnh dậy, sắp sửa hành-lý đi Chiêm-hóa.

Lần đầu tôi mới bước chân đến đất Tuyên-thành, đã ghi được biết bao kỷ-niệm êm-dịu. Thế mà thời-gian lưu tại Tuyên-quang chưa được mấy chốc đã vội giã người giã cảnh, ra đi, khỏi sao những nỗi bâng-khuâng tưởng nhớ !

Bâng-khuâng nhớ cảnh, nhớ người
Nhớ nơi kỳ-ngộ vội dời chân đi...

Đi Chiêm-hóa ! và còn đi xa hơn nữa !...

Ô-tô định chạy 6 giờ, nhưng động-cơ hỏng, đợi mãi đến 7 giờ rưỡi, bánh xe mới quay !

Theo đường Hà-giang cách Tuyên quang 155 cây số, ô-tô sau khi ra khỏi thành phố, khởi hành chạy vào châu Chiêm-hóa.

Còn nữa

NHẬT-NHAM

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 37 Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

CXXIV

Giả lời một bức thư tình

Muốn nên non nghĩa núi công,
Há phen-lê thói khiêu-hồng cho cam.
Con ngựa bắc, tiếng chim nam,
Càng e diệu-vợi, càng nhàm gió-giăng.
Một nên với lại một chăng,
Dẫu nên cũng đội, dẫu chăng cũng mừng.
Nghĩ đâu thôi xiết cây rừng,
Gương giăng thỏ cậy suốt chừng xét soi.
Đã rằng nhị rữa hoa trôi,
Hiềm chi vần, đặt vần « loi » ý gì ? (1)

CXXV

Bài ca đáp lại tình-nhân

Dọn xong đường nghĩa thì đi,
Rắp lòng chớ nỡ vô vi nên lòng.
Hiên mai từ chán hình-dung,
Cung nga phảng-phất tạc vòng bên ao.
Đèn hoa chong bóng dầu khêu,
Quyết lâu-dài xá quản bao thu dài.
Có toan vầy hội chương-đài,
Hãy thiên vàn mở tam thai chọn giờ.
Kẻo còn quanh lối bợm-bài,
Bên lòng nặng chữ a hoài như đeo.
Từ xem khắp bấy nhiêu điều,
Ý lam sao đã dám liều thốt thưa ?
Kẻo còn thành tưởng mập-mờ,
Tin ong ước nhạn quên sơ cũ nhời.
Gọi là đạm thảo duyên giời,
Tiên mây dẫu nửa, lòng thôi đại dài.

(Trích ở quyển *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*, sách viết bằng chữ nôm ở Trường Bác-cổ, số A B 296).

CXXVI

Vịnh vũ thi

(*Thơ của Trịnh-Căn, 1682-1709*)

Một áng long-vân tiếng dậy vang,
Đất bằng thế nước, phẳng như chăng.
Nhường ngân-hán khoi đòi ngách,
Máy hoàn cơ khắp mọi đường.
Rưới cả muôn phương chứa-chất,
Nhuần trong bốn bể mênh-mang.
Lâu-lâu thế-giới trần-ai sạch,
Ơn bởi huyền-nghi xuống thụy-tương.

(Trích ở quyển *Ngự-đề Thiên-hòa-doanh bách vịnh*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 544 tờ 29 b).

CXXVII

Vịnh phong-niên thi (2 bài)

(*Thơ của Trịnh-Căn, 1682-1709*)

Ứng điềm ngũ thái tiết trinh-minh,
Đăng nẫm này đương giữa vận lành.
Muôn khóm rờn-rờn màu nhuận tía,
Đôi chòm thổ-thổ thức tư-vinh.
Thừa - lưa nhân bởi hòa thiên ý,
Lưu-loát càng thêm thuận chúng tình.
Cửu hữu lâng-lâng đều thỏa ước,
Dan tay ca ngợi khúc long bình.

Trích ở *Ngự-đề Thiên hòa doanh bách vinh*, A B 544, tờ 26b.

Giời trị công nên đã vẹn mười,
Tăng nhương rày thấy thụy trong đời.
Chiêm hàm chốn chốn mừng thời thịnh,
Thành thục ai ai phỉ chí vui.
Giội Vũ chứa - chan dùng chẳng xiết
Đường cù đẳng - đỉnh họp đua chơi,
Đâu đâu chỉn ắt toàn thu cả,
Cùng gội ơn trên đức hậu bồi.

Trích ở *Ngự - đề Thiên hòa doanh bách vịnh*, A B 544, tờ 30 a.

Ứng-Hòe NGUYỄN-TỐ

Những bài đăng kỳ này chưa in ra quốc-ngữ bao giờ. Hai bài trên muốn như làm vào khoảng cuối đời Lê. Bài giả nhời một bức thư tình là bài của một người đàn bà góa Trong bài thơ của người đàn ông ướm hỏi, chắc có hạ vần. « lẻ loi » cho nên ở đây mới hỏi : « đặt vần loi ý gì » ?

Vườn hoang

Trong im-lặng vườn than miền hiu-quạnh,
Giọng ri-ri dế khóc ngõ vườn hoang.
Buồn rười-rượi làm sao mà vắng lạnh
Nơi còn ghi bao dấu-vết huy-hoàng !
Ghế xiêu-vẹo, mối ngon cho mối gặm !
Hơi hương đâu ? chết tự tháng năm nào ?
Hồ xanh rờn, tràn lan bèo cỏ ngập
Và hung tàn bụi dứa cạnh hồ sâu !
Luống đất cũ dâng nức mùi hoang-dã
Cỏ cao tràn lấn ắt mặt đường đi
Hoa bạch đại ngây mặt nhìn bụi lá...
Xa-xôi rồi ! nhắc-nhở nữa làm chi !

Cô CẨM-LAI

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 33 **Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

Những ông đỗ đệ-tam-giáp đồng-tiến-sĩ xuất thân, khoa bính tuất, năm Quang-thuận thứ bảy, 1466, từ số 8 đến số 19 là những ông sau này :

8. — Nguyễn Bá-Dung, người xã Vũ-thai, huyện Bạch-hạc, phủ Tam-đái. Đỗ năm hai-mươi-bảy tuổi. Làm quan đến Hàn-lâm-viện hiệu-thảo (chép theo bia Văn-miếu, *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14b, và *Đăng khoa bi khảo*, thu tập thượng, tờ 60 b, sách viết của Bác-cổ số A 485).

9. — Nguyễn-Chấn, người xã Yên-trạch, huyện Gia-lộc, phủ Hạ-hồng. Làm quan đến tự-khanh (chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 36 a). Bia Văn-miếu và *Đăng khoa lục*, quyển 1. tờ 14 b, chép là người huyện Trường-tân. *Đăng khoa lục* lại nói ông làm quan đến đô-cấp-sự-trung.

10. — Bùi-Khản, người xã Yên-quyết, huyện Thanh-miện, phủ Hạ-hồng. Làm quan đến đô cấp-sự-trung. *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14 b, và *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 51 b, đều viết là người xã Yên-khoái.

11. — Hoàng-nhân-Bản (*Đăng khoa bị khảo*, thu tập trung, tờ 28 a, chép là Trần-nhân-Bản), người xã Sơn-đồng, huyện Đan-phượng, phủ Quốc-oai. Vâng mệnh đi sứ, làm quan đến hiến-sát-sứ.

12. — Lê Thúc-Chân, người xã Sơn-đông, huyện Lập-thạch, phủ Tam-đái. Đỗ năm ba-mươi-hai tuổi, làm quan đến đô-ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, thu tập thượng, tờ 55 a).

13. — Thái Tất-Tiên, người xã Do-lễ, huyện Hưng-nguyên, làm quan đến tham-chính.

14. — Nguyễn-Đồn, người xã Trung-hành, huyện An-dương, ngụ ở làng Hà-nội, huyện Kim-thành, đỗ năm hai-mươi-tám tuổi (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14 b), *Lê triều tiến-sĩ đề danh bi ký*, tờ 20 b, nói có chỗ chép tên ông là Nguyễn-Hy.

15. — Ngô-Lôi, người xã Phúc-khê (bia khắc là Phúc-khê ; *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 14 b, chép là Phù-khê), huyện Đông-ngàn, vâng mệnh đi sứ, sau đổi sang võ-chức, làm quan đến tổng-binh thiêm-sự.

16. — Phạm-Doanh, người xã Khê-tang, huyện Thanh-oai, làm quan đến tả-thị-lang.

17. — Mạc-đức-Tuấn, người xã Triền-thủ, huyện Bình-hà. *Đăng-khoa lục*, quyển 1, tờ 14b, chép là người xã Mạc-thủ. Làm quan đến thượng-thư, là tằng tổ Mạc-văn-Túc.

18 — Đào-Cử, người xã Thuần khang, huyện Siêu-loại (*Tri-tân*, số 45, trang 17). Đỗ năm 18 tuổi, đổi tên là Đào-thuấn-Cử. Tuyển vào viện Hàn-lâm, dần dần thăng Đông-các đại học-sĩ, Hàn-lâm-viện thị-độc, tiến làm thượng-thư. Được vua hậu đãi, gần bằng Thân-nhân-Trung và Đỗ-Nhuận : tục thường gọi là « ở bậc thứ hai họ Thân họ Đỗ ». Ông có soạn bài hậu-tự cho tập *Quỳnh uyển cửu ca*, hiện còn 10 bài thơ cận-thể trong bộ *Toàn-Việt thi lục* của ông Lê qui Đôn, sách viết của Bác-cổ, số A 1262, quyển 11, tờ 18 a.

19 — Hà Nghiễm, người xã Kim hoa, huyện-Kim hoa, làm quan đến Lại-bộ thị-lang.

Khâm-định Việt sử, quyển 22, tờ 34b, chép « năm Hồng-đức thứ năm, 1474, Lại-bộ thượng-thư thư Hoàng nhân-Thiêm, thị lang là lũ Hà Nghiễm, Trần Tuân, phần nhiều cho những người làm quan xa nhà được chuyển bổ về chỗ cận-tiện, những người làm quan ở nơi chướng-lệ được chuyển bổ về chỗ phong-phú. Vua Lê Thánh-Tôn, 1460-1497, sai quan xét hỏi. Hà-Nghiễm lo rồi chết. Vua Thánh-Tôn dụ Thái bảo là Lê Niệm rằng : « Hà Nghiễm chết có ba điều không may : phép chưa nên giết, vội gặp chết uổng : một điều không may ; ta không có lòng muốn giết, mà có cái tiếng giết lạm, là hai điều không may ; Nhân-Thiêm chưa kịp hỏi, mà Nghiễm vội chết, là ba điều không may. »

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Một cuộc triển-lãm sách, báo nữa

Bản-chí được tin rằng nhà sách Minh-Đức, Thái-Bình sẽ tổ chức một cuộc triển lãm sách báo từ 30 Août đến 30 Septembre 1942 Nhân dịp cuộc trưng bày này, nhà sách ấy có mở một cuộc thi khá lý-thú.

Mong rằng cuộc trưng bày này được kết quả mỹ mãn.

Vì kỳ này nhiều bài quá, nên *Việt nam văn-học sử*, *Nam-đàn bát châu* và *Thời đàm* đều phải gác lại. Xin các bạn đón coi ở những số tới.

Buổi diễn đầu tiên của « Phục-Hưng kịch đoàn »

Tối thứ bảy, 15 Aout, Hà-thành sành-sỏi, Hà-thành yêu tân-kịch, già có trẻ có, trong đó lại rất đông về phái đẹp, đã vui vẻ tới chứng-kiến buổi khai-mạc mùa kịch năm nay tại nhà hát tây.

Phục-Hưng kịch-đoàn của ông Claude Bourrin, sau một thời kỳ rèn luyện công phu, lại mạnh bạo rẩn-bước trên con đường phụng sự tân-kịch, phụng sự nghệ-thuật và văn-hóa. Khán giả có thể tin cậy ở sự giám-đốc lão luyện của ông Bourrin, nhà-nghệ sĩ đã đem cả một đời người để cúc cung tận tụy với sân-khấu.

Mở màn Vở kịch ngắn « Cái ghen của anh Tèm-Hem » đã đem đến cho ta những phút vui thanh tao, với những tài tử như Danh Thịnh, Bạch-Hà, Hoàng Lương v. v...,.

Kế tiếp bài diễn-từ của ông Bourrin, khi ra trình-diện với công chúng, vì ông chẳng quên cái nhiệm-vụ xã giao là một, và sự cần thiết nói đến tôn chỉ của kịch đoàn là hai... Cử tọa được một phút cảm động, trang-trọng khi răm rắp đứng giậy chào bức chân-dung to lớn của Thống-Chế.

Màn lại kéo lần thứ nhì. « Cái đanh » của buổi tối này, vở kịch dài « Người hà-tiện ». Tới đây tôi khôn-xiết lời khen ông Trần văn-Nguyên, trong công cuộc « phỏng theo » vở bất hủ của Molière Cố nhiên trước ông Nguyên đã có ông Nguyễn văn Vĩnh với bản « Người biển lận », nhưng kẻ đi sau muốn làm hay hơn, muốn cho tinh thần vở l'avare hợp với hoàn cảnh, tính-tình, ý vị của người Nam. Làm như thế mới lột hết tinh thần của bản văn Pháp, mà ông thánh bài kịch nước Pháp, vì có tái sinh, cũng phải ghi công cho người biết mô-phỏng khôn khéo, hợp tâm lý đến vậy! Tôi mong rằng, trong các vở diễn bằng tiếng nam của Phục Hưng kịch đoàn cũng đều theo một phương châm như vậy, vì nếu vở bao cũng được như vở « Người hà-tiện » thì tôi quyết rằng công cuộc diễn tân kịch sẽ được nhiều kết-quả rực rỡ.

Khi tán thưởng ông Trần văn-Nguyên, tôi lại phải nhắc đến ông Quách Chín đã đóng vai Cả Kiết vai chính, rất tài tình. Còn thì toàn ban đều đáng ghi công lên bảng danh dự cả. Vả, tiếng vỗ tay, giọng cười của khán giả đã là bằng-chứng đích-đáng để khen giá trị nhân viên Phục Hưng kịch đoàn.

Cuối cùng, xin nhắc rằng còn nhiều vở hay để trình-bày với nhân-sĩ Hà thành, tại Olympia hai tối 17, 18 — tại Modern, hai tối 19, 20.

TRÚC-ĐYNH

Một giờ với nhà văn

tiếp theo trang 11

Tôi cho gia-đình là nền-tảng xã-hội. Tuy gia-đình ta cũng có nhiều điều phiền-phức cần phải sửa-đổi, nhưng đại cương có nhiều điều rất hay. Những cái mà bây giờ người ta công-kích là những chuyện nhỏ-nhen hoặc những cái biến trong cái thường ; những « ca » rất ít xảy ra trong những gia-đình lục-đục, rồi người ta tức-giận, đem « vơ cả nắm » mà kết án gia-đình, muốn phá hoại nó đi. Còn những nhà khác vẫn sống một cách êm-đềm vui-vẻ. Những điều khó chịu lặt vặt trong gia-đình thì ở cơ-quan xã-hội nào không có, ở đời nào, nước nào cũng vậy. Tôi trước là con em, nay là gia trưởng, tôi chả thấy gì là cái khốc-hại của gia-đình. Tôi vẫn thấy nó có một cái nghĩa thiêng-liêng, cái tinh mãnh-liệt. Hiện giờ nó là một cơ-quan của xã hội Việt-nam để đào-luyện những đức hi-sinh tận-tụy làm cho người ta có thể đặt những tình bác ái thiêng trên hết những sự nhỏ-nhen và ích-kỷ.

— *Có nhà phê-bình quyển Tố-Tâm nói rằng đó là một tấn kịch gia-đình với cá-nhân và tác-giả muốn nêu lên việc cần phải chống với gia-đình, có phải thế không ?*

— Không hẳn thế, trong lúc buồn-bực, cá-nhân cũng có khi trách oán gia-đình ; những trong quyển *Tố-Tâm* tôi muốn bày ra cái ảnh-hưởng mẫu-nhiệm của gia-đình. Người trong truyện vẫn hiểu cái nghĩa hi-sinh đối với cha mẹ. Như thế là điều hay. Người ta có hi sinh được với nhà, mới tận-tụy được với nước. Thánh nhân có câu : « Cầu trung-thần tất do hiếu-tử chi môn. » (Cầu tôi trung phải tìm ở nơi con hiếu). Tôi chưa thấy một người con bội-bạc với cha mẹ mà trung-thành với nước non. Tơu trung có bực đại trí đại tài, quên nhà để giúp nước · đó là các ngài cho bên nọ năng hơn bên kia chứ không phải chê gia-đình là đồi-bại. Các bậc đó vẫn nghĩ đến nhà luôn thường vẫn phải nén lòng tư-gia để làm xong việc nước.

Câu chuyện của chúng tôi chưa hết.

Trong mẩu giấy ghi những câu hỏi của tôi còn đến hai bà điều..... Tiên-sinh còn đang giả nhời cho chúng tôi tại sao sau tiểu-thuyết Tố-Tâm, tiên sinh không viết nữa.....

— Câu ngài hỏi đã có nhiều người hỏi tôi rồi. Có bạn cho rằng, tôi đã được hoạn nghênh ở quyển *Tố-Tâm* sợ viết quyển khác không được bằng quyển ấy chăng... Sự thực không phải thế. Sau khi ở trường ra, đi làm ít thì giờ quá. Khi mình đi học cứ tưởng sau này ra đi làm sẽ có nhiều thì giờ. Khi đi làm thì nào chức-vụ, việc gia-đình... túi bụi không mấy lúc có thì giờ để nghĩ đến làm một việc công phu hàng tháng. Thứ nhất là chúng tôi ở tỉnh nhỏ, có nhiều cái bất lợi cho sự làm văn. Muốn khảo gì, sách thiếu ; xung quanh mình, bạn bè không cùng có chí hướng như mình, không có người khuyến-khích. Ngoài ra lại còn việc xã-hội, mình đã có chút địa-vị, không mấy việc mình có thể bỏ qua... Vả chăng sức yếu, làm việc thường đã thấy mệt, nên cũng nản viết văn. Những bài tôi viết sau này là ở các bạn bắt buộc, nhất là bạn Hoàng tích-Chu với tờ *Đông-tây* ngày trước.

Tiên-sinh còn đang nói thì một chứng cớ đột-nhiên đến cho tiên-sinh : một nhân-viên của Hội truyền-bá học quốc-ngữ ở Hanoi sang để nghị với tiên-sinh lập một chi-hội ở Bắc ninh.

Nghĩ rằng tôi ở lại có thể biết thêm được ít điều, nhưng chưa chắc đã ích gì cho mọi người, mà trái lại, làm bận tiên sinh trong công việc lập chi nhánh Hội truyền bá học quốc ngữ, một công việc xã hội mà ảnh hưởng tốt cho văn chương Việt nam ngày nay, chưa ai có thể lượn được. Tôi xin phép ra về.

HẾT

LÊ-THANH

CÁCH XẾP-ĐẶT CHỮ NHO TRONG TỰ-ĐIỂN

Số 2

ĐÀO TRỌNG-ĐỦ

C. – Tượng-hình phân-loại (Classifications morphologiques)

Đoạn này có một vài ý-kiến mới phải dùng mấy chữ mới đặt. Hoặc có chỗ nào nghe lạ tai, xin độc-giả lượng cho.

a) *Phân loại theo số giới điểm (Classification d'après le nombre de points de contact)*

Xem một bài hán-văn, ta thấy chữ nào cũng bằng nhau, dù nhiều nét hay ít nét, chữ nào cũng có thể viết vào một ô vuông, mà trong bài này gọi là « tự-mô » hay là « khuôn chữ ». Bốn bề khuôn chữ gọi là « mô-giới », là đường giới-hạn cho chữ ở trong khuôn, không có nét nào có thể viết qua bốn đường mô-giới ấy và ra ngoài khuôn chữ được. Có nét viết đè lên đường mô-giới, thí dụ chữ *quốc* 國 ba nét ngoài đều viết đè lên đường mô-giới cả. Những nét ấy gọi là giới-hoạch. Cũng có nét chỉ gặp đường mô-giới một chỗ hay hai chỗ, thí-dụ chữ *mộc* 木 viết vào trong khuôn chữ, nét sổ gặp cả hai đường mô-giới trên và dưới, nghĩa là gặp hai chỗ, nét phẩy chỉ gặp có đường mô-giới bên tả, nghĩa là gặp một chỗ. Những chỗ ấy sẽ gọi là giới-điểm. Bây giờ ta thử vẽ vài cái khuôn chữ rồi viết mấy chữ vào xem. Ta thấy đường mô-giới trên :

Chữ *mộc* 木 có một giới-điểm.
— *tích* 昔 — hai —
— *xuyên* 川 — 3 —
— *châu* 洲 — 4 —
— *than* 灘 — 5 —
— *ung* 灘 — 6 —

Chữ *tam* 三 nét trên là nét giới-hoạch. Nét giới-hoạch ta sẽ coi như là bốn điểm, vì lẽ bốn chấm thường viết liền lại thành một nét ngang, thí - dụ bốn chấm trong chữ *mã* 馬 chữ *điểu* 鳥 viết thảo. Nét ngang nào có nét khác chia ra làm hai làm ba, như chữ *vương* 王 chữ *nhĩ* 耳, sẽ coi như hai lần bốn giới - điểm là tám giới-điểm, ba lần bốn giới-điểm là 12 giới-điểm vân vân...

Vậy hán-tự có thể theo số giới-điểm trên, nhiều hay ít, mà chia ra làm 10 loại :

1.— Chữ một giới - điểm như 大, 古, 木 ...
2.— Chữ hai giới - điểm như 昔, 林, 皆, 休...
3.— Chữ ba giới - điểm như 川, 州, 從, 惜...

Cho đến mười giới-điểm như 鬱, 鑑...

Chữ nào 12 hay 16 giới-điểm, thì bỏ 10 đi rồi tính số còn lại :

Thí-dụ chữ *nhĩ* 耳 xếp vào bộ hai giới - điểm, chữ *cầm* 琴 xếp vào bộ 6 giới-điểm.

Chỉnh chữ là theo lý-luận mà viết, những nét nào vì dùng bút lông viết không cân-đối, phải sửa lại cho cân-đối (1). Symétriser un caractère, c'est lui attribuer une forme théorique telle que certains de ses traits retrouvent dans le caractère ainsi redressé la symétrie qu'ils ont perdue par suite de l'usage du pinceau (1). Thí-dụ chữ *huynh* 兄, nét phẩy và nét móc viết bằng bút lông nên không cân-đối với nhau. Chỉnh lại nghĩa là viết thế nào cho hai nét sau cùng, có một đường *đối xứng dọc* (un axe de symétrie vertical), cho nét phẩy và nét móc thành ra hai nét vòng đối với nhau, một nét vòng sang bên hữu, một nét vòng sang bên tả.

Lại thí-dụ chữ *cữu* 臼. Cũng vì viết bút lông nên nét phẩy đầu ở bên tả, không đối-xứng với nét ngang bên hữu. Theo lý-luận thì cả hai nét phải là nét ngang mới cân-đối, nghĩa là chữ *cữu* chưa chỉnh lại, chỉ có một giới điểm, chỉnh lại rồi, có những tám giới điểm. Chữ *đề* 提 cũng vậy : chưa chỉnh có bốn giới điểm, chỉnh rồi phải tính năm giới-điểm, vì nét sổ chữ *thổ* phải coi như lên tận đường mô giới phía trên.

xem tiếp trang 20

Các bạn cầu may !
bỏ 1 đồng
mua vé số
Đông-Pháp
biết đâu không trúng
số độc đắc 10 vạn

DỊCH THƠ TÂY

Douceurs de la Retraite

(Racan 1589-1670)

Tircis, il faut penser à faire la retraite :
La course de nos jours est plus qu'à demi faite ;
L'âge insensiblement nous conduit à la mort.
Nous avons assez vu sur la mer de ce monde
Errer au gré des flots notre nef vagabonde :
Il est temps de jouir des délices du port.

Le bien de la fortune est un bien périssable,
Quand on bâtit sur elle, on bâtit sur le sable ;
Plus on est élevé, plus on court de dangers :
Les grands pins sont en butte aux coups de la tempête,
Et la rage des vents brise plutôt le faîte
Des maisons de nos rois que les toits des bergers

O ! bienheureux celui qui peut de sa mémoire
Effacer pour jamais ce vain espoir de gloire
Dont l'inutile soin traverse nos plaisirs,
Et qui, loin retiré de la foule importune,
Vivant dans sa maison, content de sa fortune,
A, selon son pouvoir, mesuré ses désirs !

Il laboure le champ que labourait son père ;
Il ne s'informe pas de ce qu'on délibère
Dans ces graves conseils d'affaires accablés.
Il voit sans intérêt la mer grosse d'orages,
Et n'observe des vents les sinistres présages
Que pour le soin qu'il a du salut de ses blés.

Roi de ses passions, il a ce qu'il désire :
Son fertile domaine est son petit empire ;
Sa caban est son Louvre et son Fontainebleau ;
Ses champs et ses jardins sont autant de provinces,
Et, sans porter envie à la pompe des princes
Se contente, chez lui, de les voir en tableau.

Vui thú điền-viên

Ai ơi, thôi liệu mà về,
Đường đời đi quá nửa thì nên lui.
Những là lần-lữa ngày giời,
Cái già lẳng-lặng đến nơi lúc nào.
Bấy chầy trần hải ba-đào,
Giờ ta phải liệu cắm sào nghỉ-ngơi.

Giàu sang mây nổi lưng giời,
Một cơn gió thoảng, tan rồi, còn đâu !
Càng cao càng dễ ngã đau,
Cây cao càng dễ bị nhiều gió lay.
Những khi giông-tố nổi bay
Đền vua dễ chuyển, nhà cây ít nao.

Tiên thay những bậc thanh cao
Tỉnh mơ danh vọng, tiêu-dao ngày giời.
Lánh xa người thế quấy rầy,
Nhà xưa nay lại hôm mai ra vào.
Có bao vui phận bấy nhiêu,
Không ao-ước những cái cao quá vời.

Ruộng nhà cầy cấy thảnh thơi,
Nghị trường cãi cọ bịt tai chẳng màng.
Mặc dầu bể loạn sóng vang,
Ung-dung nằm khểnh, đất bằng không nao.
Đôi khi ngóng gió, trông sao,
Chỉ e trái tuyết làm hao mùa-màng.

Muốn gì có nấy sẵn-sàng,
Cũng vì lòng chẳng muốn quàng, muốn siên
Giang-sơn chiếm một cõi riêng,
Chẳng xưng «cô quả», cũng nên hào-hùng.
Mặc ai xa mã trùng trùng,
Xem tranh treo, cũng phỉ lòng ước-ao.

Il voit de toutes parts combler d'heur sa famille,
La javelle à plein poing tomber sous la faucille,
Le vendangeur ployer sous le faix des paniers ;
Et semble qu'à l'envie les fertiles montagnes,
Les humides vallons et les grasses campagnes
S'efforcent à remplir sa cave et ses greniers.

Il suit aucunes fois un cerf par les foulées,
Dans ces vieilles forêts du peuple reculées,
Et qui même du jour ignorent le flambeau ;
Aucunes fois des chiens il suit les voix confuses,
Et voit enfin le lièvre, après toutes ses ruses,
Du lieu de sa naissance en faire son tombeau.

Il soupire en repos l'ennui de sa vieillesse,
Dans ce même foyer où sa tendre jeunesse
A vu dans le berceau ses bras emmaillotés.
Il tient par les moissons registre des années,
Et voit de temps en temps leurs courses enchaînées
Vieillir avec que lui les bois qu'il a plantés.

Il ne va point fouiller aux terres inconnues,
A la merci des vents et des ondes chenues,
Ce que Nature avare a caché de trésors.
Et ne recherche point, pour honorer sa vie,
De plus illustre mort ni plus digne d'envie,
Que de mourir au lit où ses pères sont morts.

S'il ne possède point ces maisons magnifiques,
Ces tours, ces chapiteaux, ces superbes portiques
Où la magnificence étale ses attraits,
Il jouit des beautés qu'ont les saisons nouvelles,
Il voit de la verdure et des fleurs naturelles
Qu'en ces riches lambris l'on ne voit qu'en portraits.

Agréables déserts, séjour de l'innocence,
Où, loin des vanités, de la magnificence,
Commence mon repos et finit mon tourment.
Vallons, fleuves, rochers, plaisante solitude,
Si vous fûtes témoins de mon inquiétude,
Soyez-le désormais de mon contentement.

Lộc giời nhuần thấm dồi-dào,
Một nhà an hưởng, ngôi cao nào bằng.
Đầy đồng lúa chín tựa vàng,
Lưng đồi trĩu đỏ nghìn hàng nho tươi.
Nhường như cảnh cũng chiều người,
Trăm nghìn góp lại cho đầy một kho.

Có khi rừng rậm tò-mò,
Lần theo vết chạy, lò dò săn hiêu ;
Có khi đuổi thỏ qua đèo,
Tai nghe chó xủa, chân theo liền kề ;
Rồi khi thỏ giở hết nghề,
Cùng đường cũng chịu một bề hiến thân.

Cảnh già nương chốn tử phần,
Tuổi già di-dưỡng, lấy nhàn làm vui.
Cứ mùa gặt hái tới lui,
Mấy mùa là bấy năm giời song-song.
Người già cảnh cũng già cùng,
Trông rừng xưa đã nghìn trùng cây cao.

Mặc người lặn lội Ngô, Lào,
Tiền rừng, bạc bể, moi đào vét-vơ ;
Công hầu mặc kẻ ước-mơ,
Xác khâu da ngựa, xương khô quê người.
Thân già chỉ nguyện một nhời ;
Sống vui đất Tổ, chết ngơi quê nhà.

Không màng đài, các, dinh, tòa,
Nhà cao, cửa rộng, phù hoa lòe đời.
Sẵn kho vô tận của giời,
Hoa thơm, cỏ lạ khoe tươi trước mành.
Chẳng hơn kia cảnh thị-thành,
Chơi hoa vẽ, chẳng phỉ tình khát khao.

Ở đây thủy khiết, sơn cao,
Cảnh thanh riêng để người tao bạn bầy.
Bụi hồng rũ áo từ nay,
Xa đường tục lụy, tới nơi an-nhàn.
Sinh thay tịch-mịch lâm toàn
Người xưa, cảnh cũ, hân-hoan tuổi già.

CÁCH-CHI

Cách xếp đạt chữ nho

tiếp theo trang 17

Số giới-điểm của khuôn chữ (le nombre de points de contact du carré calligraphique) sẽ là một phần tử cốt yếu trong cách « hán tự đối số phân loại » (calassification logarithmique)

b) Phân-loại theo số khải-lượng (Classifications d'après l'indice de symétrie)

Hán-tự khác chữ tây, chữ quốc-ngữ, không phải chỉ vì cách viết bằng bút sắt hay bút lông, viết từ bên tả hay từ bên hữu. Có một chỗ khác nhau đặc-biệt là hán-tự có nhiều chữ có một đường đối-xứng dọc. Thí-dụ những chữ: 東 西 南 北, 金 木 水 火 土 一 二 三 四 五 六 七 八 九 十 đều là chữ thông-dụng mà trong 19 chữ có đến 14 chữ cân-đối.

Lại thí dụ như chữ *yểu* 夭 *thượng* 上 *sự* 事 *sinh* 生 *thỉnh* 請 Chữ *yểu* chữ *sinh* bớt đi một nét phẩy, chữ *thượng* bớt đi nét ngang con ở trên, chữ *sự* bớt đi một nửa nét ngoặc 亅 chữ *thỉnh* bớt đi hẳn một nửa: những nét còn lại cũng có một đường đối-xứng dọc như mấy chữ *kim, mộc, thủy, hỏa, thổ*. Những chữ cân-đối như chữ *kim mộc thủy hỏa thổ*, và những nét còn lại như chữ *sinh* bớt nét nhẩy đi, ta sẽ gọi là khải-hoạch, nghĩa là một nét hay nhiều nét có một đường đối xứng-dọc. (Nous appellerons *« isogramme »* un trait ou un ensemble de traits présentant un axe de symétrie vertical). Mỗi lần bớt đi như thế, gọi là một chiết-hoạch (unité d'amputation). Vậy ta có thể theo số chiết-hoạch nhiều hay ít mà chia hán-tự ra 10 loại:

1· Không phải bớt đi nét nào: như những chữ cân-đối 金 木 水 火 土

2· Phải bớt đi một chiết hoạch: chiết-hoạch bớt đi như thế có thể là một nét thí-dụ: 生 干, một nửa nét (thí-dụ: 巴, 乙) hoặc một khải-hoạch (thí dụ: 請 惜.)

. . . . . .

3· Phải bớt đi hai chiết-hoạch: như chữ 乞, 也, 性, ... cho đến loại thứ mười:

10 Phải bớt đi từ chín chiết-hoạch giở lên: như chữ 將, 歲

Những số 0, 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 sẽ gọi là khải-lượng hay là khải-số, indice de symétrie. Vậy khải-lượng là một số chiết-hoạch ít nhất phải bớt đi cho hán-tự thành ra khải-hoạch. Nous appellerons indice de symétrie d'un caractère chinois le plus petit nombre d'unités d'emputation qu'il faut enlever à ce caractère pour aboutir à un isogramme. Khải-hoạch phân-loại vừa theo hình dáng vừa theo số nét. Cũng như cách phân-loại theo giới điểm, trước hết phải chỉnh chữ rồi sau mới tính chiết-hoạch. Thí-dụ chữ *huynh*, 兄 chữ *kiến* 見 chữ *giác* 覺 phải coi như cân-đối.

c) Phân loại theo số liên-hoạch. Classification d'après le nombre d'unités calligraphiques

Liên-hoạch là một nét đứng một mình (liên hoạch đơn), hay nhiều nét viết thành một mảng không dính-dáng gì đến nét khác hay mảng khác (liên hoạch kép). Thí-dụ:

chữ *nhất* 一 đứng một mình, một liên-hoạch.

Chữ *nhị* 二 hai nét xa-cách nhau, hai liên-hoạch.

Chữ *xa* 車 viết thành một mảng, một liên-hoạch.

Chữ *giang* 江 ba nét xa nhau với một mảng, bốn liên-hoạch.

Đếm liên-hoạch dễ hơn đếm nét, vì liên-hoạch ít và dễ phân-biệt hơn nét. Vậy ta có thể theo số liên-hoạch mà phân loại hán-tự. Nhưng cần đặt ra một vài qui-tắc nhất-định để ai nấy đều theo, cho khỏi cái phiền-phức mỗi người đếm một cách:

Lệ thứ nhất: Nét chấm. — Có ba « ca » nét chấm coi như liền với nét bên cạnh:

1· Nét chấm viết trên nét ngang: thí-dụ chữ *chủ* 主 tính một liên-hoạch.

2· Nét chấm viết đè lên nét khác: thí-dụ chữ *hoàn* 丸, chữ *thái* 太, tính một liên-hoạch.

3 Nét chấm bộ miên 宀 bộ huyệt 穴 và nét chấm chữ *hộ* chữ *lương* chữ *chi*. 户 良 之

Trừ ba ca trên này, bao giờ nét chấm cũng tính riêng, nghĩa là kể làm một liên-hoạch, dù là nét mác có lại cũng thế. Thí-dụ: Chữ *mộc* 木 một mình tính một liên-hoạch; đứng bên cạnh chữ khác phải tính làm hai liên-hoạch, vì nét chấm tính riêng. 相: ba liên-hoạch vì nét chấm chữ mộc tính riêng.

ĐÀO TRỌNG-ĐỦ

Còn nữa

1· Bài này tôi viết bằng pháp-văn. Sợ dịch ra quốc-văn không được rõ-ràng, nên có một vài chỗ chép cả nguyên-văn cho thêm minh-bạch.

SÁCH CỦA NHẬT-NHAM
Trịnh - như - Tấu:
1 — Hưng yên địa chí Op.80
2 — Bắc giang địa chí 1.50
3 — Trịnh gia chính phả 0.40
Đều có bán tại Đông Tây thư quán
195 Phố Hàng Bông—Hanoi

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ · QUÁN	TẬP (1)	QUYỂN	THANG	NÓC HỜ
CỬU 玖 Cao-văn		Biên-hòa	S	15	16a	
CỬU 玖 Đào-văn		Quảng-bình, Lệ-thủy	S	15	20a	
CỬU » Mạc		Hà-tiên	T	6	1a	nguyên người Quảng-đông (Tàu)
35						
CH						
CHÁNH 正 Doãn		Nam-định, Thư-trì	N	29	22b	nay thuộc Thái-bình
CHÁNH 政 Huỳnh	tự Thi-vu	Hà tịnh, La-sơn	N	33	10a	cũng đọc «Chính»
CHÁNH 正 Lê-xuân		Quảng bình, Lệ-thủy	T	5	37a	»
CHÁNH 政 Lương-văn		Phú-yên, Tuy-hòa	T	3	18a	»
CHÁNH » Nguyễn		Thừa-thiên	T	4	25a	gọi Nguyễn dương-Lâm bằng tằng-tổ
CHÁNH 正 Nguyễn	tự Thiện-trai	Bắc ninh, Gia-bình	N	34	1b	
CHÁNH 政 Nguyễn-đức	tự Tử-mẫn, hiệu Trừng-giang	Quảng nam, Diên-phước	N	31	14a	
CHÁNH » Trần-thiện		Gia định, Bình-long	N	34	11b	nay là vùng Hốc-môn
CHÁNH » Trương-văn		Biên hòa, Long-thành	S	15	15b	
CHÁNH » Võ văn		Vĩnh long, Vĩnh-trị	S	15	8a	nay là vùng Vũng liêm (Vĩnh-long)
CHẤN 震 Huỳnh	tự Thúc-khởi, hựu tự Thế-lợi	Quảng nam, Diên-phước	N	38	4a	
CHẤN 振 Nguyễn-ngọc	[Tử-uy	Nghệ an, Đông-thành	N	40	3b	con Nguyễn thế-Kiệt
CHẬN 軫 Nguyễn-thành		Quảng bình, Phong đăng	S	20	3a	lưu ngụ Gia-định
CHẨN 診 Phạm-tấn		Thừa thiên, Hương-thủy	N	36	5a	
CHẤT 質 Lê		Bình định, Phù-mỹ	S	24	—	trọn quyển
CHÂU 週 Bùi-quang	sơ danh Thuận	Quảng trị, Hải-lăng	N	41	2a	cũng đọc «Chu»
CHÂU 周 Lê-mậu	tên cũ Điều	Quảng trị, Vĩnh-linh	N	42	16b	»
CHÂU 珠 Mai-văn		Quảng nam, Hà-đông	S	14	11a	»
CHÂU 周 Ngô-tùng		Bình định, Phù-cát	S	6	18a	»
CHÂU 珠 Nguyễn-hoài		Định tường, Kiến-hòa	S	19	5ab	nay là vùng Chợ gạo (Mỹ-tho)
CHÂU » Nguyễn-tử		Quảng nghĩa, Bình-sơn	S	26	1b	
CHÂU » Nguyễn-văn		Vĩnh long, Vĩnh-bình	S	17	6a	nay là Vĩnh-long
CHÂU » Tống-phước		Gia-định	S	14	6b	tổ quán là Quỳ huyện, Thanh-hóa
CHI 之 Nguyễn-trác	tự Ngộ-học	Bình thuận, An-phước	N	42	15a	
CHI 褚 Trần-phước		không biết	S	20	4b	theo vua ra đánh Quy-nhơn, chết trong quân
CHÍ 至 Nguyễn		Quảng nam, Duy-xuyên	N	29	3b	
CHÍ 志 Phạm-hữu		Hải dương, Đường-hào	N	42	18b	
CHIÊM-THÀNH	cổ Hồ-tôn quốc		S	33	14a	
CHIÊM 占 Nguyễn-khoa		Thừa hiên, Hương-trà	T	5	16b	
CHIẾN 戰 Huỳnh		Bình-định, Tuy-viễn	N	20	12a	
CHIỀU 照 Nguyễn-huy		Bắc-ninh, Gia-lâm	N	25	19b	
CHIỀU » Nguyễn-văn		không biết	S	8	31b	chết trận Ba-thắc (Sốc trăng)
CHIỀU » Phạm-hữu	tự Huy-phủ	Quảng nam, Diên-phước	N	38	22a	
CHIỀU » Tôn-thất		Huế	S	4	12a	
CHƠN 真 Phạm		Quảng bình, Bình-chánh	N	41	3b	cũng đọc «Chân»
CHÚ 澍 Bùi		Bắc-ninh, Đông-anh	N	43	8a	
CHÚ 注 Phan-huy		Sơn tây, An-sơn	N	18	19b 20a	
CHUẨN 準 Trần-văn	tự Trực-chi	Quảng bình, Tuyên-chánh	N	33	23a	huyện Minh-chánh

(1) T. : Tiền-biên, S. : Sơ-tập, N. : Nhị-tập

TIỂU THUYẾT DÀI

TRÚC MAI SUM-HỌP

Số 9 của CHU-THIÊN

HAI nàng tức mình liền gạt kiếm bắt được một ít đồng đáo. Lệ - Kim vốn là tay võ nghệ giỏi, nên chống đỡ và lẩn bước rất tài tình, làm cho bọn kia thêm rối loạn. Liên-Tường từ khi lấy Trần-Long, thời thường cũng năng luyện tập đao kiếm, ngọn kiếm đánh giữ đã rất ngọt và rất cứng Sau hồi lâu hai nàng đã cướp được cả khí giới và bắt sống được hai tên.Còn bốn tên kia bỏ chạy cả. Hai nàng chói hai đứa vào hai gốc cây, rồi mặc cho hai đứa lạy van, hai nàng nhặt gọn các khí - giới bó lại để tựa vào gốc cây. Đoạn hai nàng đi dắt hai con ngựa về đấy, rồi mới quay vào hỏi hai đứa rằng :

— Chúng bay muốn sống hay muốn chết ?

Hai đứa rối rít lạy xin :

— Trăm lạy hai phu-nhân, nghìn lạy hai phu nhân, xin hai phu-nhân rộng thương, đại xá cho chúng con. Chúng con biết dại đã nhiều, chúng con là đồn binh, xin hai phu - nhân tha cho chúng con về trại kịp hôm nay. Chúng con xin tắn rơm tắn cỏ lạy hai phu-nhân. Chúng con xin ghi lòng tạc dạ nhớ ơn đời đời !

Hai nàng cười nói :

— Sao lúc nẫy chúng bay không nói thế cho ?

Hai tên càng sợ-hãi thưa :

— Bẩm lậy hai phu-nhân, lúc nẫy chúng con cả nghe !

— Cả nghe ! Vậy ta bảo có nghe không ?

— Dạ ! Trăm lạy hai phu - nhân, hai phu - nhân tha cho chúng con, bảo sống, chúng con xin sống, bảo chết, chúng con xin chết !

Liên-Tường cười nói :

— Đã thế ta cho chúng bay tự chặt lấy đầu !

Hai đứa lè lưỡi sợ-hãi, lại lạy lấy lấy lạy để. Hai nàng quay ra hỏi ý-kiến nhau xem có nên tha hay giết. Sau cùng đồng-ý với nhau mỗi người quay lại một tên bị chói nói rằng :

— Tên kia, đáng lẽ tội mày đáng băm thây ra làm trăm nghìn mảnh. Đã làm đồn binh mà còn đi hà hiếp lương dân ! Nhưng bây giờ tối rồi và ta không muốn nhiều nhời. Vậy ta cắt tai mi đi để cho mi luôn luôn nhớ đến tai cụt mà đừng làm những điều bạo ngược trái phép nữa

Nói xong, hai nàng cầm kiếm cắt soẹt tai của mỗi đứa, vất xuống bụi cây, rồi cởi trói ra. Hai nàng còn bảo rằng :

— Đấy, ta cho cả khí-giới đấy, kẻo về đồn, mất khí-giới, lại phải giam mọt gông ! Từ ray thì chừa nhé.

Hai đứa suýt soa lạy tạ. Hai nàng lại lên ngựa phóng về. Đi đường Liên-Tường sực nhớ đến lời chúng nó bàn nhau từ trước, hỏi Lệ-Kim :

— À quên, ta không hỏi chúng nó xem tại sao chủ nó lại vì ta mà bỏ mạng ?

Lệ-Kim đáp :

— Chả chắc có phải những đứa bị bắt nói câu ấy mà hỏi. Vả chúng nói láo đấy chứ. Chị em ta có giết ai đâu, và có ai vì ta phải bỏ mạng đâu. Chẳng qua chúng nó thị - hùng thế đấy.

Liên-Tường ngẫm - nghĩ một lúc rồi nói :

— Hay là đầy tớ nhà Nguyễn-Tân Nguyễn Bái ?

Lệ-Kim cười nói :

— Chị cứ nghĩ lẩn - thẩn. Không phải đâu. Chúng nó làm gì biết chị !

— Tôi chỉ sợ cha con Nguyễn-Tân Nguyễn-Bai oán, nên mới xui nên như vậy.

—Không nó làm tội ác tầy giời,sát hại biết bao nhân mạng,tan nát biết bao gia-đình. Thì nó chết là đáng, chứ còn oán ai, Giết nó,chị lại được phúc ấy chứ. Chả phúc mà nhất-đán lại gặp ngay tôn-tử, rồi còn tìm thấy lão quan nữa. Chị không nên nghĩ quẩn như vậy. Thôi tối đến nơi rồi, đừng nói chuyện nữa. Ta phóng mau mới kịp.

Hai nàng liền giật cương tế nước đại. Không mấy chốc đã về đến đồn doanh Đoài-môn. Lệ-Kim lưu Liên-Tường không ở. Vợ chồng Lệ - Kim phải phái mươi tên quân cưỡi ngựa hộ-tống nàng về.

Đến nhà,Liên-Tường thuật lại cho Trần-Long biết. Trần-Long vừa sợ hãi vừa mừng rỡ, hết sức khen ngợi hai nàng. Và Trần lại đồng - ý với Lệ-Kim khuyên vợ không nên nghĩ vơ-vẩn quá mà tổn hại đến tâm-hồn

Rồi bẵng đi một đạo, Liên-Tường không còn nhắc đến chuyện ấy nữa, mải bận vào công việc phụng-dưỡng mẹ già và dò tìm tin cha. Chợt một hôm,cách đã hơn một năm,lệnh trên đổi đến đuổi trưởng Trần-Long một viên đồn binh đốc - đồng để giúp việc quan Trấn-thủ. Trong khi tiếp kiến, thấy viên thuộc quan mới của mình mất một tai, Trần - Long sực nhớ đến chuyện cũ, liền hỏi :

— Thày đốc-đồng, sao lại còn có một tai ?

Viên kia lễ-phép thưa :

— Dạ, bẩm tướng-quân, hạ chức bị giặc chém mất một tai đấy ạ !

Trần-Long khen :

— Thày can đảm quá nhỉ ! Có sức khỏe mà lại can đảm như thế, lo gì mà chả chóng cao thăng !

Viên đốc-đồng kia lấy làm thỏa-thích lắm, Trần-Long liền sai lính

vào báo với Liên-Tường trước, rồi ân-cần mời viên thuộc quan ấy vào chơi trong hậu dinh thưởng trà. Hai người đang vui-vẻ trò chuyện, thì Liên-Tường ra chào. Viên quan kia trông thấy nàng, thẹn quá mặt đỏ chín lại, không lẽ chạy đi chốn đằng nào được, đành đứng lên chắp tay vái chào :

— Hạ - chức xin lậy chào phu-nhân !

Liên-Tường tươi-cười đáp :

— Xin chào mừng tướng-quân ạ ?

Trần-Long quay lại nói với Liên-Tường :

— Đây là quan đốc-đồng Trần-Ngũ mới bổ về cộng-sự với tôi.

Liên-Tường thong-thả hỏi :

— Thưa quan đốc - đồng, hình như tiên-tỷ này đã có lần được thừa-tiếp tướng quân ?

Đốc-đồng Trần-Ngũ xấu-hổ thưa :

— Dạ, bẩm phu-nhân, có ạ, hạ-chức được hân-hạnh gặp phu-nhân ở một khu rừng. Trong lúc nguy khốn, được phu-nhân cứu thoát, ơn sâu ấy hạ-chức còn ghi lòng tạc dạ, đến chết cũng không quên ạ !

Trần-Long giả vờ hỏi vợ :

— Lần nào thế ? hở phu-nhân ?

Liên-Tường đáp ;

— Dạ ! thưa tướng-quân, cái lần năm ngoái, tiện-thiếp về tối, đã thưa chuyện lại tướng quân rõ ấy mà !

Trần-Long gật-gù nói :

— À, có !

Viên đốc - đồng Trần - Ngũ thấy người ta rõ hành-vi của mình, xấu hổ quá, ngồi ngẫm-nghĩ cách đối-phó, đang so-sánh lựa chọn : nên xin cải bổ đi nơi khác hay nên thú tội mà cứ ở lại. Thì Liên-Tường lại hỏi :

— Thưa quan đốc-đồng, cái buổi chiều hôm ấy, tiện-tỷ nghe thấy bọn kia nói rằng « *chủ phải bỏ mạng* » là chỉ ai vậy ?

Trần-Ngũ giật mình nhớ lại chính mình nói câu ấy, nhưng vội nói lảng ra rằng :

— Dạ, hạ - chức không nhớ rõ, Nhưng chắc bọn chúng thị hàng ra vậy đấy, chứ dám chỉ ai !

Trần-Ngũ nói rồi, ngồi im lặng Nhân đấy hắn liên tưởng nhớ lại quãng đời trước của hắn, khi còn ở với chủ cũ là cha con Nguyễn-Tân. Hắn lo sợ nhớ đến những hành-động của Nguyễn-Bái và của hắn lúc lập mưu cướp con gái Phan thượng-thư ở Phố Hiến. Hắn sợ hãi là vì nhận thấy Trần phu-nhân bây giờ giống Phan tiểu-thư hồi ấy. Nhưng vì hắn trông thấy có một lần, trong ánh đuốc đêm tối, nên không nhớ rõ và hắn tin rằng Phan tiểu-thư đã chết dưới sông rồi,cả bọn đội tìm không thấy nên hắn bớt lo dần và tin chắc cái việc bí - mật ấy chưa một người nào biết đến. Trần phu-nhân đây có lẽ là con tiểu-thư hay là một người xa lạ giống nhau, thì biết thế nào được mưu-mô quỷ-quyệt ấy. Hắn chỉ còn lo đến cái tội mới đây. Không thú tội mà xin đổi đi chỗ khác, thì rồi việc kín kia cũng vỡ lở ra còn gì là danh-phận ? Còn gì là công-danh sau này ? Chi bằng cứ thú tội một cách khéo léo úp-mở, rồi xin lượng trên che-chở và suy-cử cho, lại chả hơn ru ! Hắn ngẫm nghĩ quyết chí như vậy ! Cho nên hắn rất bình tĩnh khi nghe thấy Trần-Long hỏi :

— Thầy đốc đồng ra làm việc từ bao giờ ?

Hắn thong-thả và lễ-phép nói :

—Thưa tướng-quân và phu-nhân, hạ-chức vất-vả lắm. Đường công-danh lận-đận lắm, thăng giáng luôn ạ !

Rồi được đà, hắn tiếp :

— Thưa tướng-quân và phu-nhân, hạ-chức bị lật-đật mãi chỉ vì trước kia, tính nết không được thuần, nhiều khi ngông-cuồng làm điều phi pháp, Mà ngông-cuồng cũng không phải do thiên-tính.Chỉ vì thủa trước hạ-chức ở với Nguyễn-Tân và được hầu-hạ Nguyễn-Bái. .

Liên-Tường kinh-sợ run hỏi :

—. . . Tướng-quân trước ở với Nguyễn-Bái à ?

Trần - Ngũ đáp rồi cứ kể tiếp, trong khi Liên-Tường đương đưa mắt nhìn Trần-Long dò hỏi :

— Bẩm phu-nhân, vâng ạ. Hạ-chức được hầu-hạ Nguyễn-Bái. Chủ làm càn, tớ cũng đua làm càn quen đi. Thành ra bạo thiên nghịch địa, không kiêng nể gì cả. Rồi đột nhiên cả nhà Nguyễn-Bái bị tội chu-di cả. Hạ-chức thành không còn nương tựa vào đâu. Và không biết duyên cớ tội trạng ra làm sao, hạ - chức liền làm sớ khiếu oan với vua Mạc. Vua thương tình, bổ hạ-chức làm vệ-binh trong Mạc-phủ. Ít lâu sau, được thăng làm tinh-binh vệ-úy theo quan đề-đốc Trịnh-Hồng lên Sơn - tây. Lên đây, hạ - chức quen thói cậy quyền hống-hách, bắt nạt nhân-dân, nên khi quan đề đốc bị gọi về, hạ-chức bị dân kiện phải giáng xuống làm đồn - binh đội-trưởng bổ lên vùng này. Hồi năm ngoái, đi khu rừng gặp phu-nhân, còn quen thói lếu-láo, vô lễ với phu - nhân, may được phu - nhân phóng sá cho...

Hắn ngừng lại cười rồi nói tiếp ;

—... Hôm ấy về, hạ-chức được đặc-cách tư thăng đồn binh vệ úy, còn một tên nữa được thăng đội - trưởng. Vì bốn tên trước đã chạy về trình với quan trấn-thủ, là bị giặc cướp mất cả khí-giới và bắt hai người. Đến lúc hạ chức dẫt tên binh về, quan trấn thủ thấy người có thương-tích và lấy lại được cả khí-giới, liền khen ngợi và bẩm xin thưởng cho. Thật là hai vị phu-nhân đã tái tạo và ngẫu-nhiên lại tác thành cho. Công ơn ấy hạ chức xin ghi nhớ mãi-mãi. Từ đấy hạ-chức nghe lời phu-nhân răn bảo, sửa đổi lại tính-nết, tuân theo phép nước, không dám làm càn, nên mới được tiến đạt như ngày nay. Lại được vào đồn này, sớm hôm dưới trướng tướng - quân, mong báo-đáp chút ơn cao-cả của tướng-quân và phu-nhân. Cúi xin tướng quân rộng lòng che-chở cho phận lau-lách này được nương nhờ nơi bóng cả.

Còn nữa

CHU-THIÊN

QUỐC-HỌC THƯ-XÁ

Sắp phát hành hai cuốn sách qui

LƯỢC-KHẢO VỀ MỸ-THUẬT VIỆT-NAM

Một công trình nghiên cứu và phê-bình về nghệ-thuật, văn học, ngôn ngữ và phong tục của nhà kiến trúc.

Từ-Lâm NGUYỄN XUÂN-NGHỊ *Đã được ông Tố (Bác-cổ) và nhiều báo chí Pháp, Nam ngợi khen.* (Có in một số sách đẹp giấy bouffant và lệnh chỉ thượng hạng dành riêng cho các bạn đặt tiền mua tự giờ).

ĐẠO SỐNG

Nghiên-cứu và phê-bình các chủ nghĩa đạo lý triết học Đông - tây như Épicure, Stuart Mill, Ben-tham, Zénon, Épitecte, Auguste Comte, Kant, Schopenhauer, Dur-khein.....

Khổng Tử, Lão Tử, Thích Ca, Trang Tử, Mạnh Tử, Dương Tử, Mặc Tử, Tuân Tử, v.v. để tìm lấy một đạo sống chiết-trung, xứng đáng với loài người (Có in một số sách đẹp bằng giấy lệnh chỉ và giấy regrist dành riêng cho các bạn đặt tiền mua tự giờ).

Sách bán gần hết Giá 2 p. 00

THI-THOẠI

Mua sách, đặt sách, đề : M. LÊ VĂN-HOÈ giám đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÁ *16 bis rue Tien Tsin — Hanoi*

Mới xuất bản :

DANH NHÂN VIỆT - NAM

của PHAN TRẦN-CHÚC

Trong tủ sách Tao Đàn

Nhà TÂN-DÂN xuất bản

Toàn bộ 4 quyển, mới ra quyển 1

Mỗi quyển bản thường : 0 $ 7 0

Bản đặc biệt giấy lụa dó : 4 $ 0 0

Ở xa xin gửi tiền trước, thêm tiền cước mỗi quyển là 0p.30. Không gửi lĩnh hóa giao ngân. Mandat đề tên ông VŨ ĐÌNH-LONG 93, Rue du Coton — Hanoi

Mới có bán

THẮNG PHƯƠNG

tiểu thuyết giáo dục của NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH

.... *Riêng tặng các bậc Phụ - huynh, các thầy giáo, và các cậu bé học - sinh nghịch-ngợm*

Sách dày hơn 200 trang — Bìa rất đẹp — Giá 1 p. 50 Mua một quyển gửi tiền về trước ; 1 p. 50 + 0 p. 50 cước = 2 p. 00 không bán lãnh hóa giao ngân

HÀN-THUYÊN xuất-bản cục

71, Phố Tiên Tsin, Hanoi

Những sách của Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133 Rue du Coton

1·) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang - Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p. 25

2·) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 2 50

3·) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3 50

4·) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim 0 80

5) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1 50

ĐANG TÁI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim. 5 quyển Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười yển trở lên có trừ 15 %.

Directeur : Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi